

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

I. Chính quy

| TT | Nội dung | Các ngành đào tạo |
|----|---|--|
| 1 | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường năm 2018 |
| 2 | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Bên cạnh các điều kiện cơ sở vật chất như ký túc xá, thư viện, phòng thực hành máy tính..., sinh viên được hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các hoạt động chính như Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; tham gia thi Olympics các môn học.</p> <p>Sinh viên được cấp tài khoản email riêng, cấp tài khoản sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý quá trình học tập, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, học phí, bảng biểu mẫu và các yêu cầu đối với từng cá nhân.</p> <p>Các chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định; Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế; Khai thác các nguồn học bổng trong và ngoài trường cho sinh viên có thành tích học tập tốt, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>Sinh viên hệ đại học chính quy được tham gia các hoạt động nhằm phát triển kỹ năng mềm và định hướng nghề nghiệp; Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ.</p> |

1. Ngành Ngôn ngữ Anh

1.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức, trình độ ngoại ngữ đạt được

Kiến thức cơ bản: Có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hoá, có năng lực sử dụng ngôn ngữ (Tiếng Việt, Tiếng Anh) ở trình độ cao, có kiến thức về thương mại, kinh doanh, quản trị, tài chính và kinh tế xã hội để làm việc và phát triển trong môi trường hiện đại và hội nhập. Ngoài ra, các kiến thức ngoại ngữ thứ hai (Tiếng Pháp, Trung) sẽ mở rộng thêm khối kiến thức ngôn ngữ chung nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng trong thực tế.

Kiến thức chuyên sâu: Có kiến thức chuyên sâu ở các bình diện ngôn ngữ của Tiếng Anh, so sánh ngôn ngữ Anh-Việt và văn hoá Việt với văn hoá các nước nói tiếng Anh cũng như khả năng so sánh đối chiếu ngôn ngữ Anh với ngoại ngữ thứ hai. Cử nhân Tiếng Anh (Chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại) của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Bên cạnh khối kiến thức ngôn ngữ và ngoại ngữ, Cử nhân Tiếng Anh (Chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại) của ĐH Kinh tế Quốc dân còn có kiến thức về một số chức năng chủ chốt trong quản trị tổ chức.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng: Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh thành thạo để giao tiếp trong công việc, thực hành các chức năng nghề nghiệp như giao dịch, trao đổi thư tín, biên dịch, phiên dịch, giảng dạy v.v...; Có năng lực sử dụng ngoại ngữ thứ hai theo chuẩn chung của Trường Đại học kinh tế quốc dân; Có đủ tự tin để giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày và trong môi trường làm việc bằng ngoại ngữ thứ hai một cách hiệu quả; Có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018).

Kỹ năng mềm: Được trang bị một số kỹ năng - chủ yếu là những kỹ năng thuộc về con người, để có thể phát triển thành công trong công việc và trong cuộc sống: Kỹ năng quản lý bản thân (Self-management); Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork); Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc (Planning and organising skills); Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định (Problem solving & decision making skills); Kỹ năng giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ (Interpersonal skills); Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp (Personal and career development skills); Kỹ năng học, tự học và học tập suốt đời (Learning to learn and Life-long learning).

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp; Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân; Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân Tiếng Anh (Chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại) của Đại học Kinh tế quốc dân có thể học tiếp các chương trình Thạc sĩ Ngôn ngữ (Tiếng Anh), Thạc sĩ về Phương pháp giảng dạy (Tiếng Anh), Thạc sĩ Kinh tế và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Biên - phiên dịch viên Tiếng Anh chuyên ngành (Thương mại, Kinh tế, Quản trị, Tài chính, Ngân hàng, v.v) tại các tổ chức hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, viện nghiên cứu (ngôn ngữ, kinh tế, quản lý, v.v).

- Trợ lý, nhân viên hành chính - văn phòng, nhân viên các bộ phận chức năng như kinh doanh, truyền thông, dịch vụ, dự án, marketing v.v... thuộc các doanh nghiệp và tổ chức có sử dụng Tiếng Anh.

- Giáo viên Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế, kinh doanh tại các trường dạy nghề, cao đẳng, đại học.

2. Ngành Kinh tế

2.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Có nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành kinh tế do Bộ GD&ĐT ban hành; Có hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; Có hiểu biết rộng về lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường trong nước và trên thế giới.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững kiến thức chuyên sâu về kinh tế, quản lý trên cấp độ nền kinh tế, ngành và lĩnh vực tương ứng với chuyên ngành đào tạo; Nắm vững các phương pháp, công cụ phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng: Có kỹ năng vận dụng hệ thống kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình – dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương; Có kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế - xã hội; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn; Có kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc; Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Kỹ năng mềm: Có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm; Có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Kinh tế của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ Yêu cầu về thái độ

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có ý thức tổ chức kỷ luật; Năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc; Có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân.

2.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân ngành kinh tế có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

2.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Có thể là cán bộ quản lý kinh tế tại các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội từ trung ương đến địa phương, các loại hình doanh nghiệp; nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học, nghiên cứu viên hoặc nhân viên tư vấn trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế.

3. Ngành Kinh tế đầu tư

3.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Nắm vững những kiến thức về thế giới quan và phương pháp luận khoa học; Có kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, kiến thức về toán kinh tế, tin học, thống kê, tài chính, phát luật kinh tế; Có kiến thức cơ bản về kinh tế học, kinh tế học cho nhà đầu tư, kinh tế quốc tế và kinh tế Việt Nam; Có hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý đầu tư hiện đại, các quy luật kinh tế vận động trong lĩnh vực đầu tư; các kiến thức về đầu tư quốc tế; Có hiểu biết cơ bản về lý luận và thực tiễn hoạt động đầu tư theo cơ chế thị trường.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững kiến thức chuyên môn về đầu tư, quản lý đầu tư trên cấp độ nền kinh tế, ngành, địa phương, trên cấp độ doanh nghiệp và quản lý đầu tư của cá nhân; Nắm vững các phương pháp, các công cụ phân tích, công cụ quản lý, hoạch định và tổ chức thực hiện các kế hoạch đầu tư, chính sách, chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội, các dự án phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đầu tư của hộ gia đình và đầu tư cá nhân.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng chuyên môn: vận dụng tốt các kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội, các dự án phát triển sản xuất kinh doanh, các hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp.

Năng lực thực hành nghề nghiệp: Có kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đầu tư ở tầm vĩ mô và vi mô; Kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực đầu tư; Phân tích và thực hiện đầu tư tài chính, kỹ năng phân tích, dự báo.

Kỹ năng xử lý tình huống: có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn.

Kỹ năng giải quyết vấn đề: có khả năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc.

Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng lãnh đạo; Kỹ năng đàm phán và quản trị hợp đồng; Kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Kinh tế đầu tư của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Phẩm chất đạo đức tốt, ý thức nghề nghiệp cao, có trách nhiệm công dân; Tôn trọng pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: chủ động, tích cực, chuyên nghiệp; Khả năng cập nhật kiến thức mới, có ý thức cầu tiến; Năng động, sáng tạo trong công việc; Có ý thức phát triển ngành nghề, liên tục học tập để nâng cao trình độ.

3.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân Kinh tế Đầu tư có: (i) khả năng tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để đạt trình độ, bằng cấp cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ ngành Kinh tế Đầu tư); (ii) khả năng tiếp tục tự học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ, có khả năng tự học và học suốt đời.

3.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cán bộ trong các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư; Cán bộ quản lý đầu tư trong các doanh nghiệp; Cán bộ tại các định chế tài chính, quỹ đầu tư; Nhân viên tư vấn đầu tư; Nhà đầu tư độc lập; Giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học và các viện nghiên cứu.

4. Ngành Kinh tế phát triển

4.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Các cử nhân kinh tế phát triển được trang bị các kiến thức: Phân tích, đánh giá, dự báo và định hướng sự phát triển kinh tế - xã hội; Hoạch định phát triển (cấp quốc gia, ngành, địa phương); Hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội (bao gồm chính sách định hướng và chính sách điều tiết vĩ mô); Quản lý các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; Tổ chức và tư vấn thực hiện các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp: quốc gia, ngành, lĩnh vực, các vùng, các địa phương (tỉnh, huyện, xã), các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế.

➤ **Về kỹ năng**

Kỹ năng cứng: Kỹ năng phân tích định tính và định lượng các vấn đề phát triển; Hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế - xã hội; Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc; Kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc; Kỹ năng độc lập nghiên cứu, tự học và tự nghiên cứu trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm; Kỹ năng làm việc sáng tạo, kỹ năng phản biện và trình bày văn bản; Kỹ năng thuyết trình và tư duy hệ thống; Khả năng giao tiếp và làm

việc bằng tiếng Anh trong môi trường quốc tế; Kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Kinh tế phát triển của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ Về thái độ

Đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước; Có thái độ chuyên nghiệp, tự tin; Chịu được áp lực công việc; Sáng tạo và có chính kiến; Biết lắng nghe các quan điểm trái chiều.

4.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân ngành kinh tế phát triển có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

4.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Kinh tế Phát triển có thể làm việc tại: các tổ chức và đối tác phát triển (như WB, ADB, UN, FAO...); các tổ chức phi chính phủ về phát triển (DIFID, SIDA, CIDA, OXFAM...); các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế đặc biệt là các cơ quan làm việc trong môi trường quốc tế; các loại hình doanh nghiệp; nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học, nghiên cứu viên hoặc nhân viên tư vấn trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế.

5. Ngành Kinh tế quốc tế

5.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Bẩm đảm có nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Kinh tế quốc tế do Bộ GD&ĐT ban hành; Nắm vững có hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và tài chính làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Kinh tế quốc tế.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững và áp dụng các kiến thức chuyên sâu về thương mại quốc tế và tài chính quốc tế để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; Hiểu biết và vận dụng tốt các quan điểm, cách tiếp cận và trường phái lý thuyết kinh tế quốc tế để giải thích bản chất, cơ sở, lợi ích, xu hướng và tác động của các quan hệ kinh tế quốc tế và hàm ý chính sách cho các quan hệ đó; Có công cụ và phương pháp vận dụng một cách hiệu quả các kiến thức đã học

vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá các chương trình, dự án phát triển và chính sách kinh tế đối ngoại của một quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng chuyên môn: Có khả năng vận dụng tốt các kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại.

Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Có năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế quốc tế; Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề về kinh tế quốc tế.

Kỹ năng xử lý tình huống: Có khả năng sáng tạo, thích ứng và xử lý linh hoạt với những thay đổi của yêu cầu công việc và môi trường làm việc.

Kỹ năng giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

Kỹ năng mềm: Có kỹ năng ứng xử và giao tiếp tốt; Có kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm; Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo; Có kỹ năng đàm phán chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; Kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh và trách nhiệm nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; Có ý thức tổ chức kỷ luật cao; Năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

5.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Khả năng tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài nước để đạt trình độ, bằng cấp Thạc sĩ, Tiến sĩ ngành Kinh tế quốc tế; Khả năng tiếp tục tự học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ, có khả năng tự học và học suốt đời.

5.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Đảm nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; Công tác tại các cơ quan đại diện thương mại, đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài, các đại sứ quán nước ngoài ở tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ quốc tế, các hiệp hội quốc tế; Giảng viên trong các

trường đại học và nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu. Ngoài ra, sinh viên ngành Kinh tế quốc tế có thể làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

6. Ngành Thống kê kinh tế

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và từng bước giải quyết các vấn đề thực tiễn; Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và kiến thức về toán, tin học làm cơ sở để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.

Kiến thức chuyên sâu: Có kiến thức chuyên sâu về tổ chức hệ thống thông tin ở cấp độ quốc gia, Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp; Có kiến thức chuyên sâu về các phương pháp điều tra thống kê; thống kê mô tả và trình bày dữ liệu; Có kiến thức chuyên sâu về các công cụ và mô hình để phân tích - dự báo thống kê trong các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức tài chính và các doanh nghiệp; Có kiến thức về phân tích kinh tế - xã hội nói chung và trong từng lĩnh vực nói riêng.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng: Kỹ năng xây dựng và tính toán hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp quốc gia, bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp; Kỹ năng thiết kế nghiên cứu, xây dựng phương án điều tra và thực hiện thu thập dữ liệu theo các phương pháp khác nhau đối với các hiện tượng kinh tế - xã hội, nghiên cứu thị trường...; Kỹ năng lập và phân tích tài khoản quốc gia; Kỹ năng tổng hợp, xử lý dữ liệu, phân tích, đánh giá phục vụ quá trình ra quyết định; Kỹ năng vận dụng tổng hợp các kiến thức, công cụ và phần mềm thống kê để mô tả, phân tích - dự đoán thống kê trong công tác chuyên môn tại các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức tài chính và các doanh nghiệp; Kỹ năng khai thác dữ liệu phục vụ cho việc quản lý và hoạch định chính sách kinh tế xã hội và thực hiện các chức năng quản trị kinh doanh ở các cấp; Kỹ năng viết báo cáo phân tích thống kê; Khả năng đặt vấn đề và giải quyết vấn đề bằng phân tích định lượng.

Kỹ năng mềm: Có khả năng hoà nhập và thích ứng môi trường nghề nghiệp; sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc; Có khả năng nghiên cứu, lập luận, giao tiếp và xử lý tình huống, tham gia các hoạt động tập thể, các hoạt động phong trào cũng như các hoạt động xã hội; Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ và thích nghi với các môi trường làm việc theo nhóm; Có khả năng sử dụng tin học: theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018); Có thể sử dụng phần mềm thống kê và kinh tế lượng thuộc ngành đào tạo. Cử nhân ngành Thống kê kinh tế của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: hiểu biết, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân; Trung thực và có ý thức tổ chức kỷ luật lao động.

Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: có ý thức cộng đồng, tác phong công nghiệp; Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: nghiên cứu độc lập và tự cập nhật thông tin cần thiết cho việc phát triển kiến thức cá nhân, sáng tạo trong công việc.

6.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Đủ điều kiện tham gia đào tạo sau đại học trong và ngoài nước trong các lĩnh vực thống kê, kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; Thuận lợi để có thể học song song 2 chương trình.

6.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Thống kê kinh tế có thể làm việc tại: Các cơ quan thuộc hệ thống thống kê Nhà nước, Bộ ngành, các tổ chức kinh tế - xã hội; Các bộ phận nghiên cứu và phân tích dữ liệu trong các doanh nghiệp và tổ chức tài chính thuộc mọi loại hình kinh tế; Các tổ chức tư vấn, nghiên cứu trong nước và quốc tế; Các dự án, tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế; Các tổ chức tư vấn, nghiên cứu thị trường; Các trường đại học và các viện, trung tâm nghiên cứu; Tham gia thành lập các tổ chức tư vấn và dịch vụ phân tích và xử lý dữ liệu.

7. Ngành Toán kinh tế

7.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Được trang bị kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; kiến thức cơ bản về toán học, thống kê, phân tích và dự báo kinh tế - xã hội, mô hình hóa, tối ưu hóa.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững các phương pháp phân tích định tính, định lượng trong kinh tế - xã hội; Phân tích thống kê đa biến; Đánh giá tác động và dự báo bằng mô hình kinh tế lượng; Phân tích và ứng dụng các mô hình toán trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản lý và quản trị kinh doanh; Các phương pháp giải các bài toán lựa chọn tối ưu trong kinh tế, tài chính, quản lý và quản trị kinh doanh; Kỹ thuật lập trình, mô phỏng ngẫu nhiên và ứng dụng.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng chuyên môn: Biết tổ chức các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, tổng hợp dữ liệu, lập và trình bày các báo cáo theo các yêu cầu của công tác quản lý; Sử dụng tốt các phương pháp thống kê và kinh tế lượng để phân tích, kiểm chứng thực nghiệm các quan hệ kinh tế - xã hội và dự báo trong từng lĩnh vực chuyên môn sâu được đào tạo (kinh tế toán, tài chính toán, bảo hiểm, v.v); Vận dụng được các phương pháp toán kinh tế để lập và giải các bài toán lựa chọn tối ưu; Có khả năng xây dựng và giải các mô hình toán học giải quyết các bài toán trong lĩnh vực kinh tế xã hội cũng như các

bài toán đa ngành, đa lĩnh vực; Sử dụng tốt các kỹ thuật mô phỏng, kỹ thuật phân tích dữ liệu, dự báo và thành thạo các phần mềm chuyên dụng để thực hiện các kỹ thuật này.

Năng lực thực hành nghề nghiệp: Tổ chức và tham gia thực hiện việc mô hình hóa, lựa chọn phương pháp và công cụ phù hợp phân tích mô hình; Tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát kinh tế - xã hội theo các mục tiêu cụ thể, xây dựng cơ sở dữ liệu và lập các báo cáo; Nghiên cứu thực nghiệm, khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách, hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh.

Kỹ năng xử lý tình huống: Có khả năng tìm kiếm và vận dụng các phương pháp, khung lý thuyết giải quyết các bài toán thực tế phù hợp với điều kiện môi trường kinh tế, xã hội cụ thể.

Kỹ năng giải quyết vấn đề: Có thể giải quyết các trong hoạt động chuyên môn theo các khung (mô hình) chuẩn đã được kiểm nghiệm; Có khả năng kiểm chứng thực nghiệm các kết luận nhờ các phân tích thống kê và kinh tế lượng.

Kỹ năng mềm:

Kỹ năng giao tiếp: có khả năng trình bày ý tưởng, mục tiêu và cách thức hoạt động rõ ràng, logic.

Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có khả năng nghiên cứu độc lập và chia sẻ kết quả; Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu công việc; Có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Ngoài ra, có kỹ năng khai thác tốt các phần mềm chuyên dụng về mô hình hóa, tối ưu hóa, phân tích dữ liệu và dự báo: Eviews, SPSS, R, Stata, Matlab, MetaStock, v.v... Cử nhân ngành Toán Kinh tế của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ Yêu cầu về thái độ

Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; Chấp hành đúng pháp luật Nhà nước.

Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: cầu thị, nghiêm túc và trung thực trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Có ưu thế trong việc cập nhật và sử dụng các phương pháp nghiên cứu kinh tế hiện đại; Dễ dàng học tập, nâng cao kiến thức chuyên môn.

7.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng học tập tốt các bậc sau đại học tại các trường đại học, các viện nghiên cứu nước ngoài; Có thể tự bồi dưỡng kiến thức để trở thành các chuyên gia trong lĩnh vực phân tích định lượng trong kinh tế tài chính.

7.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Chuyên viên phân tích, quản lý và tư vấn trong các tổ chức kinh tế, xã hội; Nghiên cứu viên, giảng viên về toán ứng dụng trong kinh tế tại các viện nghiên cứu, các trường đại học kinh tế. Tùy thuộc chuyên ngành đào tạo, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể phát huy tốt ở các vị trí công tác: Chuyên viên phân tích, dự báo và quản trị rủi ro trong các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp; Chuyên viên phân tích chính sách; Chuyên viên phân tích, môi giới đầu tư chứng khoán; Tư vấn, xây dựng và quản lý danh mục đầu tư tài chính; Chuyên viên định giá tài sản tài chính, tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; Chuyên viên xây dựng mô hình, đo lường, phân tích, dự báo và quản trị rủi ro trong ngân hàng, công ty chứng khoán, các định chế tài chính, các doanh nghiệp.

8. Ngành Quan hệ công chúng

8.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản:

Kiến thức chung về quản lý, xã hội - nhân văn, kinh tế và kinh doanh: Có hiểu biết về kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế - xã hội; Nắm vững đường lối chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước; Có kiến thức rộng về văn hoá - xã hội trong nước và quốc tế; Hiểu biết về xã hội thông tin và các phương tiện truyền thông đại chúng.

Kiến thức về truyền thông và marketing: Có kiến thức cơ bản về hoạt động truyền thông chung; Hiểu biết đầy đủ về pháp luật kinh doanh; Có kiến thức cơ bản về báo chí; Có kiến thức cơ bản về marketing.

Kiến thức chuyên sâu: Cử nhân Quan hệ công chúng (PR) có kiến thức toàn diện cả về lý thuyết và thực tiễn về lĩnh vực truyền thông, đồng thời có kiến thức chuyên sâu về Quan hệ công chúng. Cụ thể:

Kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu PR: Có kiến thức nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực quan hệ công chúng, các phương tiện PR, hành vi công chúng, quá trình truyền thông, công cụ và phương tiện truyền thông và PR, nghiên cứu phục vụ hoạt động PR.

Kiến thức chuyên sâu về quản trị trong lĩnh vực PR: Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về quản trị, gồm: Cập nhật về môi trường toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế, những xu hướng phát triển mới về truyền thông và PR trên thế giới; Khởi sự doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực truyền thông và PR; Thực hành phát triển các chiến lược và kế hoạch PR; Quản trị các hoạt động PR cụ thể cho các doanh nghiệp/tổ chức; Tổ chức thực hiện các chương trình PR cụ thể; Hệ thống chỉ tiêu và phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá hoạt động PR; Hoạt động PR cho các lĩnh vực khác nhau: kinh doanh, xã hội, cơ quan nhà nước.

Kiến thức chuyên sâu về soạn thảo trong PR: Có kiến thức và khả năng sáng tạo ý tưởng chiến lược thông điệp PR, sáng tạo ý tưởng cho chiến thuật thông điệp PR. hiểu biết sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo thông điệp PR, phân tích và xử lý các yếu tố chi phối đến sáng tạo thông điệp PR, tích hợp, phân phối thông điệp sáng tạo trong các chương trình PR.

Kiến thức chuyên sâu về hoạch định công cụ và phương tiện truyền thông và PR: Có kiến thức và khả năng hiểu biết sâu về đặc điểm, bản chất công cụ và phương tiện truyền thông và PR, hoạch định công cụ và phương tiện truyền thông và PR, phân tích đánh giá công cụ và phương tiện truyền

thông và PR, phối hợp các công cụ và phương tiện truyền thông và PR trong một chương trình/chiến dịch, hiểu biết các tiêu chuẩn để lựa chọn công cụ và phương tiện truyền thông và PR, xây dựng kế hoạch và thời gian biểu sử dụng công cụ và phương tiện.

Kiến thức về đánh giá hiệu quả PR: Nắm vững và hiểu biết vai trò, tầm quan trọng của đánh giá hiệu quả hoạt động PR, hệ thống chỉ tiêu và phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá hoạt động PR, phân tích kết quả đánh giá hoạt động PR, điều chỉnh và đề xuất chiến lược và hoạt động PR sau đánh giá.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng chuyên môn (kỹ năng cứng):

Kỹ năng quản lý: Có kỹ năng xây dựng các chương trình PR, lập các dự án nghiên cứu về PR; Có kỹ năng xây dựng các chiến lược, kế hoạch, chương trình truyền thông và PR của tổ chức/doanh nghiệp cụ thể; Có kỹ năng kiểm tra, đánh giá hoạt động PR; Có kỹ năng chuyên nghiệp trong phát triển và thực hiện các chương trình PR cụ thể.

Kỹ năng sáng tạo và thực hành nghề nghiệp: Có kỹ năng sáng tạo các ý tưởng truyền thông và PR; Thành thạo về một số công nghệ/kỹ thuật trong truyền thông: thiết kế Web, quay phim, chụp ảnh...; Thành thạo trong việc soạn thảo nội dung truyền thông và PR; Có kỹ năng tốt trong thực hiện các hoạt động PR online, offline.

Kỹ năng xử lý tình huống: Có kỹ năng phát hiện các khả năng khủng hoảng truyền thông và xây dựng hệ thống cảnh báo; Có kỹ năng phân tích, đánh giá, hiểu nguyên nhân vấn đề; Kỹ năng đề xuất các hoạt động PR xử lý khủng hoảng truyền thông; Nắm vững các kỹ năng biến khủng hoảng thành cơ hội truyền thông.

Kỹ năng giải quyết vấn đề: Kỹ năng phân tích và xử lý độc lập vấn đề, nhiệm vụ PR được giao phó; Kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến từng nội dung cụ thể trong một chiến dịch PR như: điều chỉnh thông điệp, phối hợp công cụ, tích hợp phương tiện hay xác định công chúng mục tiêu...; Kỹ năng giải quyết xung đột trong tổ chức hoạt động PR; Kỹ năng nghiên cứu, phân tích định tính, định lượng trong giải quyết vấn đề và đánh giá hiệu quả hoạt động PR.

Kỹ năng mềm:

Hiểu biết và nắm vững các kỹ năng giao tiếp trong PR: Kỹ năng truyền tải thông tin qua các văn bản tài liệu chuyên môn; Kỹ năng thuyết trình các vấn đề chuyên môn; Kỹ năng trình bày vấn đề liên quan đến PR; Kỹ năng đặt câu hỏi về PR; Kỹ năng xử lý tình huống trong giao tiếp; Kỹ năng thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng, đối tác và công chúng trong PR; Kỹ năng giao tiếp nội bộ, giao tiếp với khách hàng và công chúng.

Kỹ năng làm việc theo nhóm: Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong nhóm; Kỹ năng phân công công việc và điều hành nhóm; Kỹ năng lãnh đạo và thu hút thành viên trong nhóm.

Các kỹ năng mềm khác: Kỹ năng quản lý bản thân; Kỹ năng đối diện với thách thức, áp lực trong công việc; Kỹ năng xây dựng kế hoạch và quản lý công việc hàng ngày; Kỹ năng xây dựng mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết

định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Quan hệ công chúng của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân theo các tiêu chuẩn của Quyết định số 50/2007/QĐ-BGD&ĐT: Có lập trường, tư tưởng chính trị đúng đắn; Có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm các chính sách, pháp luật của nhà nước; Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ; Có tinh thần hợp tác trong công việc, tác phong chuyên nghiệp; Có tinh thần cầu tiến, có đạo đức trong công việc và xã hội; Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc; Khả năng sáng tạo trong mọi hoạt động; Tích cực, chủ động học tập nâng cao trình độ.

8.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ trong mọi môi trường làm việc; Có khả năng học lấy bằng đại học thứ 2 các chuyên ngành khác; Có khả năng học tập và nghiên cứu ở các cấp đào tạo cao hơn: thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước; Có thể thăng tiến trở thành Giám đốc Truyền thông và Quan hệ công chúng của các doanh nghiệp và tổ chức.

8.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Các cử nhân ngành quan hệ công chúng làm việc tại phòng Truyền thông/Quan hệ công chúng/Marketing của các tập đoàn và doanh nghiệp kinh doanh; Làm việc tại các công ty cung cấp dịch vụ Truyền thông và Quan hệ công chúng; Làm việc tại bộ phận Quan hệ công chúng của các cơ quan chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các tổ chức phi lợi nhuận,...

9. Ngành Quản trị kinh doanh

9.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, khoa học công nghệ và xã hội; Có kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học của quản lý và quản trị kinh doanh; Có kiến thức về công cụ và phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý, vận dụng trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về khởi sự kinh doanh, khởi tạo doanh nghiệp; hoạch định chiến lược doanh nghiệp, xây dựng các dự án kinh doanh, kế hoạch kinh doanh; tổ chức và phối hợp các nguồn lực nhằm thực hiện các quyết định quản lý, kinh

doanh của doanh nghiệp cũng như phối hợp với các doanh nghiệp khác để quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả; kiểm soát, điều chỉnh hoạt động trong các lĩnh vực quản trị của doanh nghiệp.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng

Kỹ năng tư duy: Có tư duy chiến lược phù hợp của nhà quản trị toàn cầu, vận dụng thành thạo khối kiến thức, công cụ, phương pháp dành cho nhà quản trị để xác lập cơ sở khoa học cho việc ra quyết định kinh doanh; thể hiện qua hoạch định chiến lược, sáng tạo và đổi mới, ra quyết định quản lý và kinh doanh...

Kỹ năng nhân sự: Có thể khai thác, phối hợp, kết nối các yếu tố, nguồn lực; thể hiện qua lãnh đạo, tổ chức, động viên, khuyến khích, tạo dựng mối quan hệ giữa các cấp quản trị trong doanh nghiệp cũng như với các đối tượng hữu quan ngoài doanh nghiệp...

Kỹ năng tác nghiệp: Có thể vận dụng các kiến thức chuyên môn và phương pháp khoa học để thực hiện các hoạt động tác nghiệp trong tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; thể hiện thông qua việc vận dụng kiến thức về luật kinh doanh, thống kê kinh doanh, toán kinh tế, kinh tế lượng... trong việc lập kế hoạch kinh doanh, quản trị marketing, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nhân lực quản trị điều hành dự án, quản trị hậu cần, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị văn phòng,...

Kỹ năng mềm

Kỹ năng quản trị và lãnh đạo: kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản biện...

Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, giải quyết xung đột...

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có nhận thức và năng lực hành vi đảm bảo các chuẩn mực về đạo đức kinh doanh, văn hóa kinh doanh và tinh thần doanh nhân Việt Nam; Có phẩm chất đạo đức kinh doanh tốt, tuân thủ pháp luật Việt Nam cũng như các nước có liên quan; Có tác phong, thái độ làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, coi trọng việc tự học hỏi, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

9.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để đạt trình độ, bằng cấp cao hơn ở tất cả các bậc đào tạo theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế; Có khả năng tiếp tục tự học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ.

9.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân quản trị kinh doanh làm việc tại: Các doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh doanh (nghiệp vụ hoặc quản trị); Các loại hình tổ chức phi lợi nhuận, các hiệp hội ngành nghề kinh doanh hoặc doanh nghiệp xã hội (nghiệp vụ hoặc quản trị); Các trường, viện, trung tâm nghiên cứu hoặc các cơ sở đào tạo khác (nghiên cứu, tư vấn, giảng dạy về quản trị kinh doanh); Các cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh, các vụ, cục quản lý, phát triển doanh nghiệp; Tự khởi sự kinh doanh, khởi tạo doanh nghiệp.

Về triển vọng phát triển nghề nghiệp, cử nhân quản trị kinh doanh có thể trở thành các nhà quản lý, nhà quản trị cấp cao, chủ doanh nghiệp hoặc chuyên gia về kinh doanh và quản trị kinh doanh ở phạm vi quốc gia và quốc tế.

10. Ngành Marketing

10.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản:

Kiến thức chung về kinh tế - xã hội: Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế - xã hội; Nắm vững đường lối chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước; Có kiến thức tổng hợp về văn hoá, xã hội, công nghệ.

Kiến thức về kinh doanh và quản lý: Có các kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh và quản trị kinh doanh; Hiểu biết cơ bản về quản lý điều hành một doanh nghiệp/tổ chức; Hiểu biết cơ bản về pháp luật kinh doanh; Có kiến thức cơ bản về tài chính – tiền tệ, kế toán, thống kê; Có kiến thức cơ bản về quản trị các chức năng khác nhau của tổ chức: tác nghiệp, nhân sự, tài chính, marketing.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững kiến thức nghiên cứu marketing, xây dựng và quản lý hệ thống thông tin marketing; Nắm được các phương pháp và quy trình phân tích môi trường marketing trong nước và quốc tế; Có các kiến thức cơ bản về thị trường và hành vi người tiêu dùng; Có hiểu biết về các yếu tố của môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế; Nắm vững phương pháp, quy trình và nội dung phát triển các chiến lược và kế hoạch marketing; Nắm vững kiến thức về nội dung và quy trình quản trị các hoạt động marketing cụ thể của các doanh nghiệp/tổ chức: quản trị và phát triển sản phẩm, quản trị thương hiệu, quản trị giá, quản trị phân phối và bán hàng và quản trị truyền thông marketing, quản trị quan hệ khách hàng,... Nắm vững các công việc tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá hoạt động marketing; Có kiến thức để vận dụng marketing trong các loại hình doanh nghiệp/tổ chức và trong các lĩnh vực khác nhau; Nắm được các kiến thức về hệ thống chỉ tiêu, phương pháp kiểm tra đánh giá hoạt động marketing.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng

Kỹ năng chuyên môn: Xây dựng và triển khai được các dự án nghiên cứu marketing; Xây dựng hệ thống thông tin marketing và hệ thống báo cáo; Xây dựng các chiến lược, lập các kế hoạch, ban

hành chính sách marketing của tổ chức/doanh nghiệp; Kỹ năng triển khai các hoạt động marketing tới các bộ phận có liên quan của tổ chức/doanh nghiệp; Kiểm tra, đánh giá hoạt động marketing; Tổ chức và thực hiện các hoạt động marketing cụ thể: quản trị thương hiệu, quản trị giá, phân phối và bán hàng, quản trị các hoạt động truyền thông, quản trị quan hệ khách hàng, xây dựng văn hoá doanh nghiệp; Kỹ năng quản lý nhân viên và lãnh đạo nhóm chuyên môn.

Năng lực thực hành nghề nghiệp: Thu thập thông tin thị trường và xử lý thông tin thành thạo; Viết các báo cáo phân tích tổng hợp vấn đề tốt; Triển khai các công việc chuyên môn thành thạo.

Kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề: Kỹ năng xác định vấn đề, phân tích đánh giá, tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề về marketing; Kỹ năng đề xuất các giải pháp xử lý vấn đề; Kỹ năng dự báo và xây dựng hệ thống cảnh báo khủng hoảng; Kỹ năng phân tích định tính và định lượng; Kỹ năng phân tích xử lý độc lập các vấn đề marketing; Kỹ năng truyền thông nội bộ và truyền thông tới khách hàng.

Kỹ năng mềm

Kỹ năng giao tiếp: Có kỹ năng soạn thảo và truyền tin qua các văn bản tài liệu chuyên môn; Có kỹ năng thuyết trình các vấn đề chuyên môn; Kỹ năng giao tiếp hàng ngày tốt.

Kỹ năng làm việc theo nhóm: Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong nhóm tốt; Có kỹ năng phân công công việc và điều hành nhóm.

Kỹ năng tin học: Có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018); Biết sử dụng các phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực marketing: CRM, SPSS,...

Ngoài khả năng sử dụng tốt tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên môn Marketing, Cử nhân ngành Marketing của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Các kỹ năng mềm khác: Kỹ năng quản lý công việc hàng ngày; Kỹ năng quản lý bản thân; Kỹ năng quản lý thời gian; Kỹ năng làm việc độc lập và thích ứng nhanh với môi trường làm việc.

➤ Yêu cầu về thái độ

Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân theo các tiêu chuẩn của Quyết định số 50/2007/QĐ-BGD&ĐT: Có lập trường, tư tưởng chính trị đúng đắn; có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm các chính sách, pháp luật của nhà nước; Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Có tinh thần hợp tác trong công việc, tác phong chuyên nghiệp; Có tinh thần yêu nghề, cầu tiến, có đạo đức nghề nghiệp; Có thái độ thân thiện, chu đáo với khách hàng và đối tác.

Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Khả năng sáng tạo trong mọi hoạt động; Tích cực, chủ động học tập nâng cao trình độ.

10.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ trong mọi môi trường làm việc; Có khả năng học lấy bằng đại học thứ 2 các chuyên ngành khác; Có khả năng học tập và nghiên cứu ở các cấp đào tạo cao hơn: thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.

10.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Chuyên viên marketing tổng hợp, giám đốc/quản lý thương hiệu, trưởng các bộ phận chức năng marketing, giám đốc marketing, chuyên viên quản trị thông tin marketing, chuyên viên nghiên cứu thị trường, giám đốc bán hàng, giám sát bán hàng, chuyên viên truyền thông marketing, quảng cáo, PR... trong mọi loại hình doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý nhà nước; giảng viên marketing và cán bộ nghiên cứu của các cơ sở đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh.

11. Ngành Bất động sản

11.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Cử nhân ngành Bất động sản được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường, quản trị kinh doanh hiện đại và quản lý kinh tế; có các kiến thức về kinh tế và kinh doanh nói chung và lĩnh vực bất động sản nói riêng.

Kiến thức chuyên sâu: Cử nhân ngành Bất động sản được trang bị hệ thống kiến thức chuyên sâu về kinh tế bất động sản, quản lý đất đai và quản trị kinh doanh bất động sản; Có khả năng xây dựng, hoạch định chính sách, pháp luật trong quản lý Nhà nước về đất đai và thị trường bất động sản; Có kiến thức chuyên môn, các nghiệp vụ về đầu tư kinh doanh, đầu tư tài chính và dịch vụ bất động sản.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng

Cử nhân ngành Bất động sản có kỹ năng và phương pháp làm việc chuyên nghiệp và hiện đại, đáp ứng được yêu cầu công việc như: Kỹ năng tạo lập, vận hành các công ty đầu tư phát triển bất động sản, các công ty kinh doanh dịch vụ bất động sản; kỹ năng xây dựng chiến lược, tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh doanh bất động sản; Kỹ năng thực thi tác nghiệp để thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và thị trường bất động sản như: tham gia xây dựng và hoạch định chính sách, lập và quản lý quy hoạch, lập và quản lý hồ sơ địa chính, thực hiện các tác nghiệp kỹ thuật phục vụ công tác chuyên môn liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai; Kỹ năng lập và thẩm định dự án đầu tư bất động sản, định giá bất động sản và quản lý bất động sản; Kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng chuyên ngành trong kinh tế, quản lý đất đai và kinh doanh bất động sản; Có khả năng xử lý, phân tích và ra quyết định trong công việc chuyên môn.

Kỹ năng mềm

Cử nhân ngành Bất động sản được rèn luyện và phát triển các kỹ năng cơ bản, chuyên nghiệp để nâng cao vốn sống, tăng khả năng thích nghi, hòa nhập, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động nghề nghiệp và thực hiện công việc một cách hiệu quả, như: kỹ năng phối hợp trong làm việc nhóm; kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và chủ động trong công việc; kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống trong công việc; kỹ năng thương lượng và đàm phán; kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng thuyết trình; kỹ năng xây dựng các mối quan hệ; kỹ năng quản lý thời gian và tự đào tạo, bồi dưỡng.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Bất động sản của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ Yêu cầu về thái độ

Cử nhân ngành Bất động sản có thái độ tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có trách nhiệm công dân; có trách nhiệm, đạo đức, trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong chuyên nghiệp; có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; có ý chí phấn đấu vươn lên, sẵn sàng chấp nhận và thích ứng với môi trường và điều kiện làm việc; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, hành vi thái độ chuẩn mực, xử lý tình huống chuyên nghiệp; có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc; coi trọng việc học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có ý chí phấn đấu vươn lên, sẵn sàng chấp nhận và thích ứng với môi trường và điều kiện làm việc.

11.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân ngành Bất động sản có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ trong mọi môi trường làm việc và học tập, nghiên cứu ở các cấp đào tạo cao hơn: thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước; Có khả năng học lấy bằng đại học thứ 2; Có cơ hội tham gia học tập để lấy các chứng chỉ nghề chuyên nghiệp trong nước và quốc tế như: định giá bất động sản; định giá đất; thẩm định giá; môi giới bất động sản; quản lý và điều hành sàn giao dịch bất động sản; quản trị bất động sản và được bảo lưu số môn học tương đương đã được đào tạo tại trường.

11.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Bất động sản có thể làm việc tại: các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai từ trung ương đến địa phương (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường ...); các cơ quan quản lý Nhà nước về nhà ở và thị trường bất động sản từ trung ương đến địa phương (Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, ...); các đơn vị phụ trách mảng đất đai và bất động sản của các Bộ, Sở, cơ quan

như: Tài chính, Kế hoạch đầu tư, Thuế; Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các tập đoàn, tổng công ty, công ty đầu tư phát triển bất động sản, các công ty kinh doanh dịch vụ bất động sản; các công ty dịch vụ đất đai và địa chính; các ngân hàng, các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư; các viện nghiên cứu và các trường đại học.

12. Ngành Kinh doanh quốc tế

12.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản:

Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có: Nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành kinh doanh quốc tế do Bộ GD&ĐT ban hành; Kiến thức về đa văn hóa, chính trị và kinh tế quốc tế, pháp luật quốc tế; Kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học của quản lý và quản trị kinh doanh quốc tế; Kiến thức cơ bản và sâu về lý luận và vận dụng lý luận thị trường quốc tế, kinh doanh quốc tế, mạng sản xuất toàn cầu, chuỗi cung ứng quốc tế.

Kiến thức chuyên sâu:

Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức chuyên sâu, hiện đại về hội nhập quốc tế, quản trị kinh doanh quốc tế, quản trị toàn cầu, có tư duy sáng tạo, sử dụng thành thạo công cụ và phương pháp trong khoa học kinh doanh quốc tế: (i) Khởi nghiệp kinh doanh quốc tế và tạo lập doanh nghiệp kinh doanh quốc tế; (ii) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế, xây dựng các chính sách, kế hoạch, dự án kinh doanh quốc tế; (iii) Nghiên cứu dự báo và phân tích, kiểm soát trong hoạt động kinh doanh của các công ty đa quốc gia, công ty xuyên quốc gia; (iv) Chủ động đề xuất và thực thi các nghiệp vụ kinh doanh quốc tế có tính chất đặc thù như quản trị mạng sản xuất toàn cầu, chiến lược kinh doanh toàn cầu, chuỗi cung ứng quốc tế...

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng về chuyên môn

Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế được học tập và rèn luyện về các kỹ năng chuyên môn chủ yếu để có thể sẵn sàng làm việc ở môi trường cạnh tranh trong nước và quốc tế, như: (i) Kỹ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu hệ thống kiến thức hình thành kỹ năng chuyên môn kinh doanh quốc tế; (ii) Kỹ năng vận dụng thành thạo hệ thống kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề kinh doanh và quản trị kinh doanh quốc tế (như hoạch định chiến lược kinh doanh quốc tế, xây dựng chính sách và kế hoạch kinh doanh quốc tế; lập và quản lý dự án đầu tư quốc tế; tổ chức mạng sản xuất toàn cầu, quản trị chuỗi cung ứng quốc tế, thiết kế kênh phân phối hàng hóa quốc tế; tổ chức hoạt động marketing quốc tế; tổ chức và quản trị nguồn nhân lực quốc tế; thiết kế và kiểm soát bộ máy tổ chức quản trị kinh doanh quốc tế ...); (iii) Có kỹ năng chủ động tiếp nhận khối kiến thức công cụ, phương pháp dành cho nhà quản trị để xác lập cơ sở khoa học cho việc ra quyết định kinh doanh đúng đắn và quản trị hiệu quả (kiến thức toán kinh tế, kinh tế lượng, tin học kinh tế, hệ thống thông tin quản trị, luật kinh doanh, thống kê kinh doanh, phân tích kinh doanh, nghiên cứu kinh doanh, phương pháp điều tra xã hội học, lập phương án kinh doanh quốc tế, lập dự án đầu tư quốc tế...); (iv) Kỹ năng sử dụng các phương pháp khoa học và công cụ để tiến hành các hoạt động nghiên cứu về kinh doanh, quản trị kinh doanh quốc tế; (v) Có khả năng nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

Kỹ năng mềm:

Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế được rèn luyện và phát triển các kỹ năng cơ bản, chuyên nghiệp để nâng cao vốn sống, tăng khả năng thích nghi, hòa nhập, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động nghề nghiệp và thực hiện công việc một cách hiệu quả, như: Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc kinh doanh quốc tế; Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thương lượng và đàm phán kinh doanh quốc tế; Tập dượt các kỹ năng xây dựng và duy trì các mối quan hệ; Tổ chức thực hiện công việc kinh doanh quốc tế; Kỹ năng lãnh đạo và làm việc theo nhóm; Kỹ năng tự đào tạo, bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp chuyên môn...

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ Yêu cầu về thái độ

Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế: (i) Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn; Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc; (ii) Có nhận thức và năng lực hành vi đảm bảo các chuẩn mực về đạo đức kinh doanh, văn hóa kinh doanh quốc tế, luôn nêu cao tinh thần doanh nhân Việt Nam; (iii) Có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam cũng như các nước có liên quan; (iv) Có tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động cũng như coi trọng việc học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

12.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có: (i) Khả năng tiếp tục học ở trình độ cao hơn trong và ngoài nước như bậc thạc sĩ và tiến sĩ; (ii) Khả năng chuyển đổi và liên thông giữa các ngành kinh tế ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các nước có trình độ giáo dục cao như Úc, New Zealand, Anh và Mỹ; có khả năng đào tạo chuyển đổi sang các ngành nghề khác; (iii) Khả năng tự nghiên cứu, tự học tập để không ngừng nâng cao trình độ.

12.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có thể làm việc tại: (i) Các công ty đa quốc gia, công ty xuyên quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; công ty liên doanh, các công ty xuất nhập khẩu, công ty giao nhận vận tải quốc tế, các tập đoàn kinh tế có hoạt động quốc tế; (ii) Các đơn vị và tổ chức phi lợi nhuận quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế,

các quỹ đầu tư quốc tế; (iii) Các trường đại học, học viện, cao đẳng, các viện và trung tâm nghiên cứu, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về kinh doanh quốc tế; (iv) Các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp đối ngoại và hợp tác quốc tế, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và đại diện cơ quan nước ngoài tại Việt Nam; (v) Tự lập nghiệp bằng việc khởi sự kinh doanh, tạo lập doanh nghiệp có liên quan kinh doanh quốc tế.

Triển vọng phát triển nghề nghiệp: Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có thể trở thành các nhà quản lý, nhà quản trị cấp cao, giám đốc doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp hoặc chuyên gia về kinh doanh và quản trị kinh doanh ở phạm vi quốc gia và quốc tế.

13. Ngành Kinh doanh thương mại

13.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Cử nhân ngành Kinh doanh Thương mại được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng kinh doanh để thành công ở cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế; Học tập và nghiên cứu khối kiến thức cơ bản, hiện đại về kinh tế, quản lý và xã hội nhân văn; khối kiến thức chuyên nghiệp sâu về các lý thuyết kinh doanh thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư có tính chất thương mại, sở hữu trí tuệ trong môi trường hội nhập; Kiến thức Quản trị kinh doanh thương mại theo mô hình mạng sản xuất, mạng phân phối và chuỗi giá trị toàn cầu; Tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh thương mại trong nước, thương mại với nước ngoài theo chuẩn mực quốc tế.

Kiến thức chuyên sâu: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh thương mại được trang bị hệ thống các lý thuyết thương mại và thương mại quốc tế từ cổ điển đến hiện đại; Kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý thương mại; kiến thức quản trị kinh doanh thương mại và hoạt động thương mại ở các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; Kiến thức về nghiệp vụ hoạt động thương mại cụ thể như nghiên cứu thị trường, giao dịch đàm phán kinh doanh, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ở doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, mọi loại hình sở hữu. Các môn học chính của ngành: Kinh tế Thương mại; Kinh doanh thương mại; Quản trị kinh doanh Logistisc; Giao dịch và đàm phán kinh doanh; Thương mại điện tử; Thương mại quốc tế 1; Marketing Thương mại; Thuế; Quản trị kinh doanh quốc tế; Kinh tế vi mô 2; Thống kê kinh doanh; Kế toán quản trị; Quản trị tác nghiệp; Văn hóa và đạo đức kinh doanh...

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng: Thành thạo kỹ năng phân tích, tổng hợp, nghiên cứu dự báo các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thương mại; kỹ năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn để hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh thương mại; năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án kinh doanh thương mại trong nước và trên thị trường quốc tế; Thành thạo trong giao dịch kinh doanh, tổ chức đàm phán ký kết hợp đồng thương mại và soạn thảo hợp đồng thương mại; Thành thạo trong thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh thương mại, quản trị các loại hình kinh doanh thương mại; Thành thạo trong việc khai thác cơ hội cũng như chuyển đổi kinh doanh thương mại khi thị trường biến động; Có bản lĩnh và tác phong chuyên nghiệp, khả năng thích nghi tốt trước những thay đổi của môi trường làm việc và năng lực tự cập nhật kiến thức; Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ và đáp ứng yêu cầu của công việc; Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Kỹ năng mềm:

Cử nhân ngành Kinh doanh thương mại được tổ chức tập luyện và hỗ trợ để phát triển kỹ năng sống và làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, môi trường đa văn hóa; Học tập và rèn luyện để có kỹ năng viết, thuyết trình và phản biện; Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm; Có tư duy đổi mới, sáng tạo và tiếp thu cái mới; Thông qua các hoạt động của câu lạc bộ sinh viên, hoạt động kiến tập để tạo dựng kỹ năng tổ chức sự kiện và quản trị kế hoạch công tác cá nhân.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Kinh doanh thương mại của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ Yêu cầu về thái độ

Cử nhân ngành Kinh doanhThương mại có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; Am hiểu và tự giác chấp hành pháp luật; Thực hiện đầy đủ trách nhiệm công dân; Rèn luyện để có sức khỏe tốt; Hiểu rõ trách nhiệm xã hội của doanh nhân và trách nhiệm nghề nghiệp; Tích cực xây dựng văn hóa, đạo đức kinh doanh; Làm việc với tác phong chuyên nghiệp và tích cực, chủ động thích nghi, hòa nhập với các môi trường làm việc khác nhau; Trách nhiệm với công việc, thái độ phục vụ chuyên nghiệp và tôn trọng đồng nghiệp, khách hàng và đối tác; Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc; Ý thức về trách nhiệm việc làm cho mình và khả năng tạo việc làm cho người khác.

13.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tiếp tục học tập để nhận học vị thạc sĩ, tiến sĩ kinh tế, quản trị kinh doanh; Khả năng học chuyển đổi và liên thông các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh khác; Khả năng tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu công việc và tự đào tạo để phát triển và thăng tiến.

13.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Kinh doanh Thương mại có thể làm việc tốt tại: Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, Công ty trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Khu kinh tế, khu chế xuất; Văn phòng đại diện doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp; Các tập đoàn, công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia; Các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại, cơ quan hoạch định chính sách kinh tế thương mại; Các cơ quan, tổ chức đại diện kinh tế thương mại của Việt Nam và quốc tế; Các tổ chức tư vấn, hỗ trợ kinh tế, cơ quan xúc tiến thương mại; Các Viện, trung tâm nghiên cứu kinh tế và kinh doanh, giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng kinh tế, quản trị kinh doanh. Cử nhân ngành Kinh doanh thương mại cũng có thể tự thành lập doanh nghiệp; tự tổ chức hoạt động kinh doanh.

14. Ngành Thương mại điện tử

14.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản:

Cử nhân ngành Thương mại Điện tử có đầy đủ kiến thức về kinh tế học và khoa học chính trị; Có kiến thức pháp luật, văn hóa kinh doanh và kỹ năng kinh doanh để thành công trong môi trường kinh doanh toàn cầu; Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh, khoa học xã hội và nhân văn; Kiến thức cơ bản, nền tảng về mạng máy tính, hệ thống tin kinh tế và công nghệ thông tin; Lý thuyết chung về quản trị kinh doanh thương mại; tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh trong thời đại công nghiệp 4.0. Cử nhân ngành Thương mại điện tử có thể dễ dàng học thêm các ngành đào tạo chính quy khác và có thể theo học ở trình độ cao hơn.

Kiến thức chuyên sâu:

Cử nhân ngành Thương mại Điện tử có kiến thức về quản trị hoạt động Thương mại điện tử; Kiến thức chuyên sâu về quản trị dữ liệu, hệ thống mạng của doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh dựa trên môi trường công nghệ thông tin – truyền thông; Kiến thức nghiệp vụ hoạt động thương mại điện tử cụ thể như: Thanh toán điện tử, Marketing điện tử, Chính phủ điện tử, Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử, Giao dịch thương mại điện tử; Xây dựng Website thương mại điện tử, An ninh thương mại điện tử; Pháp luật trong thương mại điện tử; Kinh doanh thương mại; Thương mại quốc tế; Kinh doanh Logistics;

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kĩ năng cứng: Am hiểu và vận dụng kiến thức kinh tế, xã hội, luật pháp trong hoạt động chuyên môn; Thành thạo kĩ năng phân tích, tổng hợp, nghiên cứu dự báo các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thương mại điện tử; Kĩ năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử của doanh nghiệp và tổ chức kinh tế; Thành thạo trong khai thác và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu công nghệ thông tin vào hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; Am hiểu và vận dụng tốt các phần mềm thông dụng trong quản trị kinh doanh để phân tích thông tin và ra quyết định; Kỹ năng tốt về tổng hợp và đánh giá các kết quả, hiệu quả hoạt động thương mại điện tử của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

Kĩ năng mềm: Cử nhân ngành Thương mại điện tử có kỹ năng sống và làm việc trong môi trường toàn cầu; Học tập và rèn luyện để có kỹ năng viết, thuyết trình và phản biện để hình thành nên các kỹ năng làm việc khoa học và chuyên nghiệp; Hình thành các kỹ năng cá nhân trong giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc; Có tư duy nhạy bén, sáng tạo trong tiếp thu công nghệ mới, hiện đại của thế giới; Có năng lực tốt trong giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm.

Kỹ năng tin học: Ngoài kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, sinh viên ngành Thương mại điện tử có thể: Sử dụng tốt các phần mềm thông dụng trong quản trị kinh doanh để phân tích thông tin và ra quyết định; Lập, vận hành, khai thác và quản lý tốt các Website thương mại điện tử; Ứng dụng và khai thác tốt các mạng xã hội phục vụ vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Sinh viên từ khóa 59 được áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018 của Hiệu trưởng

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Cử nhân ngành Thương mại điện tử của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp có khả năng giao tiếp, làm việc hiệu quả bằng tiếng Anh, khả năng đọc hiểu và sử dụng tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Cử nhân Thương mại điện tử có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

14.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

14.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Thương mại điện tử có thể làm việc tốt tại: Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Văn phòng đại diện doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử; Các tập đoàn, công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia; Các cơ quan quản lý, cơ quan hoạch định chính sách về thương mại điện tử; Các cơ quan, tổ chức đại diện thương mại điện tử của Việt Nam và quốc tế; Các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu thương mại điện tử, giảng viên các trường đại học, cao đẳng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có thể thành lập doanh nghiệp, tự tổ chức kinh doanh qua mạng, kinh doanh dựa trên nền tảng mạng và công nghệ số.

15. Ngành Tài chính - Ngân hàng

15.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Có hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận cơ bản trong học tập, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề thực tế căn bản trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng của nền kinh tế.

Kiến thức chuyên sâu:

Sinh viên được trang bị kiến thức hiện đại trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng: Hiểu và vận dụng các nguyên lý, kiến thức về tài chính, tiền tệ, ngân hàng, hoạt động của thị trường tài chính và các trung gian tài chính, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ; Hiểu và vận dụng các lý thuyết hiện

đại trong hoạt động, nghiệp vụ và quản lý trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, các lý thuyết và nghiệp vụ thuộc chuyên ngành đào tạo; Hiểu và chấp hành tốt các chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Có khả năng nghiên cứu, đánh giá và góp ý kiến để bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các chính sách về tài chính, tiền tệ, ngân hàng.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ cơ bản liên quan tới các công việc chuyên môn thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng; Có hiểu biết về các công việc quản trị điều hành các đơn vị thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Thực hiện được các công việc phân tích, đánh giá, tư vấn chính sách và các quy định liên quan thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng; Có kỹ năng sử dụng các công cụ phân tích định lượng và định tính, nghiên cứu các vấn đề cơ bản và chuyên sâu liên quan tới chuyên môn thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng và chuyên ngành được đào tạo; Vận dụng lý thuyết để giải quyết những vấn đề nghiệp vụ thực tế.

Kỹ năng mềm

Kỹ năng giao tiếp: Có tác phong chuyên nghiệp và khả năng hoàn thành mục tiêu trong giao dịch với các chủ thể liên quan; khả năng tiếp nhận yêu cầu và tạo dựng sự hài lòng trong giao tiếp với các đối tượng khách hàng được phân công.

Kỹ năng thuyết trình các vấn đề về chuyên môn: Có kỹ năng tổ chức trình bày, diễn đạt và truyền đạt tốt các vấn đề chuyên môn, giúp cho người nghe có thể hiểu rõ, thuyết phục và tạo sự đồng thuận của người nghe.

Kỹ năng tư duy độc lập: Có kiến thức cơ sở vững chắc, kỹ năng tiếp cận, tư duy và tìm được phương án tốt nhất để giải quyết các vấn đề một cách độc lập.

Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có kỹ năng tổ chức làm việc theo nhóm, chia sẻ ý kiến và thảo luận với các thành viên trong nhóm; Có khả năng lãnh đạo nhóm, phân công nhiệm vụ, tạo động lực, giám sát hoạt động của nhóm, định hướng và nêu các ý tưởng mới về công việc, về sản phẩm của nhóm, tổng kết các vấn đề đưa ra thảo luận nhóm.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức đầy đủ và tuyệt đối tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; Có tinh thần trách nhiệm công dân theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 50/2007/QĐ-BGD&ĐT; Có trách nhiệm cao với các công việc được giao, luôn có tinh thần cầu thị, xây dựng và thực hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp; Có tư cách, tác phong đáp ứng chuẩn mực của ngành, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; Có trách nhiệm xã hội tốt đối với tập thể đơn vị và đối với cộng đồng; Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; Tôn trọng khách hàng; Tuân thủ các quy định về chuyên môn nghiệp vụ, luật pháp và quy định của cơ quan làm việc; Có ý thức xây dựng tập thể đơn vị; Luôn ý thức và có khả năng tốt trong cập nhật kiến thức để tự nâng cao trình độ chuyên môn, luôn chủ động, sáng tạo trong công tác.

15.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

15.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có thể làm việc tốt tại các vị trí công tác sau:

Công tác tại khối các cơ quan quản lý: đảm nhiệm vị trí từ chuyên viên trở lên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt, các vị trí thuộc hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính – Ngân hàng như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia Việt Nam, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, v.v...; Chuyên viên của vụ hoặc phòng Tài chính – Kế toán trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan ở trung ương và địa phương, các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp.

Công tác tại khối doanh nghiệp: đảm nhiệm vị trí từ chuyên viên trở lên thuộc khối quản trị tài chính, kế toán, kiểm toán ở các doanh nghiệp trong và ngoài nước (Sở Giao dịch Chứng khoán, các doanh nghiệp, các ngân hàng, các công ty bảo hiểm, các công ty chứng khoán, các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các công ty tài chính, công ty thẩm định giá và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác).

Công tác tại khối các cơ quan nghiên cứu, tư vấn: giảng viên, nghiên cứu viên trong các học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các trung tâm tư vấn tài chính độc lập hoặc trực thuộc các Bộ, ngành hoặc tập đoàn kinh tế, tài chính khác.

16. Ngành Bảo hiểm

16.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Có nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Bảo hiểm do Bộ GD&ĐT ban hành; Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và tài chính.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về bảo hiểm, các vấn đề liên quan đến chính sách, tổ chức triển khai các chính sách về bảo hiểm, tổ chức kinh doanh bảo hiểm.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng: Có kỹ năng và nghiệp vụ chuyên sâu về các lĩnh vực bảo hiểm; Biết tổng hợp, phân tích, đánh giá và tổ chức thực hiện các chính sách về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp); Có kỹ năng đánh giá và quản trị rủi ro, thiết kế sản phẩm, xây dựng các quy tắc về bảo hiểm thương mại và quản trị doanh nghiệp bảo hiểm; Có kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn; Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Kỹ năng mềm: Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp trong quá trình giải quyết công việc.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Bảo hiểm của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Ngoài ra, có khả năng sử dụng tiếng Anh ngành Bảo hiểm để có thể đọc tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu và có thể giao tiếp về chuyên môn với các đối tác nước ngoài.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; chấp hành pháp luật nhà nước.

Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: có tinh thần cầu thị, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

16.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân đại học ngành Bảo hiểm có nền tảng kiến thức để có thể theo học các bậc học cao hơn: thạc sĩ và tiến sĩ trong nước và quốc tế; Tự học tập nâng cao trình độ về kinh tế, tài chính, quản lý, quản trị kinh doanh, các chính sách và loại hình bảo hiểm, các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế.

16.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Có thể làm việc ở các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm như: Bộ Tài Chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Đồng thời, có thể làm việc tại các doanh nghiệp bảo hiểm thương mại, doanh nghiệp tái bảo hiểm; cơ quan Bảo hiểm

xã hội từ trung ương đến địa phương; Giảng viên, nghiên cứu viên tại các viện, trường đại học, cao đẳng, tư vấn viên về bảo hiểm.

17. Ngành Kế toán

17.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có hiểu biết về chính trị, xã hội; Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn; Nắm vững các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên môn và cuộc sống.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững kiến thức kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh, phân tích tài chính, các chuẩn mực kế toán trong nước và quốc tế; Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán và kiểm toán trong các loại hình đơn vị kế toán, kiểm toán (doanh nghiệp, đơn vị dự toán, tổ chức tài chính trung gian, công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán,...); Có đủ yêu cầu về chuyên môn để hành nghề kế toán, kiểm toán.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng chuyên môn: Am hiểu hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh, phân tích tài chính, kiểm soát nội bộ trong các tổ chức, các loại hình doanh nghiệp; Biết xây dựng các chính sách, chế độ kế toán, kiểm toán nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính và sự nghiệp.

Năng lực thực hành nghề nghiệp: Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng chuyên ngành; Kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Kỹ năng xử lý tình huống: Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn.

Kỹ năng giải quyết vấn đề: Có khả năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc.

Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc và tổ chức công việc độc lập; Có kỹ năng làm việc theo nhóm và trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về lĩnh vực chuyên môn được đào tạo; Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách khoa học; Giao tiếp, truyền tải tiếp nhận và xử lý thông tin.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Kế toán của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Phẩm chất đạo đức tốt, ý thức nghề nghiệp cao, có trách nhiệm công dân; Tôn trọng pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: chủ động, tích cực, chuyên nghiệp; Khả năng cập nhật kiến thức mới, có ý thức cầu tiến; Năng động, sáng tạo trong công việc; Có ý thức phát triển ngành nghề, liên tục học tập để nâng cao trình độ.

17.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có cơ hội đạt được được các chứng chỉ nghề trong nước và quốc tế về kế toán và kiểm toán; Có khả năng hoà nhập và thích ứng cao với môi trường công tác, có khả năng tự cập nhật những quy định mới và kiến thức mới trong lĩnh vực công tác; Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc đào tạo cao hơn.

17.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Kế toán tổng hợp, kế toán viên trong các loại hình doanh nghiệp và đơn vị hành chính – sự nghiệp; Chuyên viên cho các công ty hành nghề kế toán; Trợ lý kiểm toán trong các công ty kiểm toán; Phụ trách bộ phận kiểm toán nội bộ của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại; Kiểm soát viên, thanh tra viên, kế toán viên trong các cơ quan; Giảng viên giảng dạy các môn học về kế toán, phân tích, kiểm toán cho các trường đại học khối kinh tế và quản trị kinh doanh.

18. Ngành Khoa học quản lý

18.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Nắm vững kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Khoa học quản lý do Bộ GD&ĐT ban hành; Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; Hiểu biết rộng về lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường trong nước và trên thế giới.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản lý tổ chức, quản lý nhà nước về kinh tế trên cấp độ nền kinh tế, ngành và lĩnh vực; Nắm vững các phương pháp và công cụ ra quyết định, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và kiểm soát; Nắm vững các phương pháp và công cụ phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Có khả năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình – dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương; Có khả năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế - xã hội; Có khả năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc; Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc; Thành thạo ngoại ngữ và tin học, đáp ứng yêu cầu công việc.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết

định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Khoa học quản lý của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Tôn trọng và chấp hành pháp luật; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; Có ý thức tổ chức kỷ luật; Năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc; có tinh thần sáng tạo và đổi mới; Có tinh thần học tập để nâng cao trình độ.

18.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

18.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Có thể làm việc ở các vị trí quản lý, nghiên cứu và tư vấn trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế ở trung ương và địa phương, các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng, các tổ chức tư vấn, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp.

19. Ngành Quản lý công

19.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Có nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành Quản lý công do Bộ GD&ĐT ban hành; Có hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; Có hiểu biết rộng về lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường trong nước và trên thế giới.

Kiến thức chuyên sâu: Nắm vững kiến thức chuyên sâu về khu vực công và quản lý công, quản lý các lĩnh vực công; Nắm vững kiến thức chuyên sâu về phân tích, hoạch định và tổ chức thực thi chính sách công; Nắm vững kiến thức chuyên sâu về tổ chức công và quản lý tổ chức công.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Có kỹ năng quản lý theo quá trình (lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát) và theo chức năng hoạt động (quản lý nguồn nhân lực công, tài chính công, marketing dịch vụ công . . .); Có kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách công; Có kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế - xã hội; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn; Có kỹ năng xác định

và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc; Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Quản lý công của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc; Có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân.

19.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

19.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công có thể là cán bộ, công chức tại các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương; Chuyên viên trong các tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ trong nước và quốc tế; Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu; Giảng viên trong các trường đại học và cao đẳng; Nghiên cứu viên hoặc nhân viên tư vấn trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế.

20. Ngành Quản trị nhân lực

20.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Cử nhân ngành Quản trị nhân lực được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh, xã hội và nhân văn; Nắm vững các nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kiến thức chuyên sâu:

Cử nhân Quản trị nhân lực phải nắm vững và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu, hiện đại về Quản trị nhân lực, có khả năng tư duy sáng tạo, vận dụng thành thạo các công cụ và phương pháp quản trị khoa học vào việc: (i) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược nguồn nhân lực, xây dựng các chính sách, kế hoạch, dự án trong lĩnh vực quản trị nhân lực; Tổ chức hoạch định và

thực hiện các hoạt động quản trị nhân lực trong tổ chức; (ii) Kiểm soát, đánh giá, phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng chuyên môn: (i) Xây dựng chiến lược và kế hoạch nguồn nhân lực cho tổ chức; chính sách thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, hệ thống đánh giá hiệu quả công việc, hệ thống đánh giá năng lực của người lao động, chính sách thù lao lao động của tổ chức, quy chế trả lương trong tổ chức, chính sách quan hệ lao động; (ii) Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá và kiểm soát các hoạt động phân tích, thiết kế công việc, thiết kế tổ chức; tuyển dụng nguồn nhân lực; đào tạo, quản lý hiệu quả làm việc của nhân viên; đánh giá năng lực của người lao động, thù lao lao động và các chính sách đối với người lao động, và quan hệ lao động, truyền thông nội bộ trong các tổ chức; (iii) Sử dụng thành thạo các phần mềm về quản trị nhân lực trong các tổ chức.

Kỹ năng vận dụng thành thạo khối kiến thức công cụ, phương pháp dành cho nhà quản trị để xác lập cơ sở khoa học cho việc quản trị nguồn nhân lực hiệu quả (kinh tế lượng, quản trị kinh doanh, tâm lý học lao động, hành vi tổ chức, kinh tế nguồn nhân lực, tổ chức và định mức lao động, dân số và phát triển, luật lao động, thống kê lao động, tiếng Anh trong Quản trị nhân lực, các kỹ năng quản lý, quản trị chiến lược ...).

Kỹ năng vận dụng các kiến thức chuyên môn và phương pháp khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu về quản trị nguồn nhân lực ở các tổ chức trong nước.

Kỹ năng vận dụng các kiến thức chuyên môn và phương pháp khoa học để tư vấn các chính sách, thiết lập hệ thống quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức có hiệu quả.

Kỹ năng mềm:

Cử nhân Quản trị nhân lực được rèn luyện và phát triển các kỹ năng cơ bản, chuyên nghiệp để nâng cao vốn sống, tăng khả năng thích nghi, hòa nhập, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động nghề nghiệp và thực hiện công việc một cách hiệu quả, như: Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: lắng nghe, đàm phán, thuyết phục và gây ảnh hưởng bằng lời nói, bằng văn bản; Kỹ năng tìm kiếm, phân tích xử lý dữ liệu; Kỹ năng quan hệ công chúng; Kỹ năng xây dựng và duy trì các mối quan hệ; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng làm việc nhóm: có khả năng phân công công việc và điều hành, giám sát hoạt động của các thành viên, bộ phận chức năng; Kỹ năng điều hành, giám sát, tổ chức, phân công, phối hợp công việc cho các thành viên và các bộ phận.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018), có kiến thức tin học phổ thông và các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành đào tạo (Kỹ năng thuyết trình và truyền đạt thông tin sử dụng phần mềm MS - PowerPoint; Kỹ năng tham gia quá trình phát triển các hệ thống thông tin hỗ trợ các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn của mình với tư cách người sử dụng; Sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet; Sử dụng được các phần mềm chuyên dùng thuộc chuyên ngành đào tạo). Cử nhân ngành Quản trị nhân lực của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Cử nhân Quản trị nhân lực: Có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam cũng như các nước có liên quan; Có khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa; Có tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động cũng như coi trọng việc học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Chủ động, cầu tiến; Công tâm, nhân văn.

20.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân quản trị nhân lực có: Khả năng tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để đạt trình độ, bằng cấp cao hơn; Khả năng tiếp tục tự học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ ở bậc thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.

20.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị nhân lực chương trình chất lượng cao có thể làm việc tại: các doanh nghiệp trong nước; các trường, viện, trung tâm nghiên cứu hoặc các cơ sở đào tạo khác (nghiên cứu, tư vấn, giảng dạy về quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh); các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội.

Triển vọng phát triển nghề nghiệp: cử nhân quản trị nhân lực có thể trở thành các nhà quản lý, nhà quản trị cấp cao hoặc chuyên gia về quản trị nhân lực ở phạm vi quốc gia và quốc tế.

21. Ngành Hệ thống thông tin quản lý

21.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Nắm vững kiến thức về lý luận chính trị Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Có thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn; Có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và quản lý để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ở các trình độ cao hơn.

Kiến thức chuyên sâu:

Có kiến thức về các hệ thống thông tin ứng dụng trong kinh doanh; các công nghệ ứng dụng trong hệ thống thông tin và các dịch vụ công nghệ liên quan.

Nắm vững: Quy trình phân tích, thiết kế, phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức; Quy trình lập kế hoạch và quản trị các nguồn lực thông tin trong các tổ chức.

Có kiến thức cập nhật về các công nghệ: phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong hệ thống thông tin.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng: Kỹ năng sử dụng các công nghệ, kỹ thuật định tính và định lượng, kỹ năng quản trị để phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý và điều hành trong các tổ chức; Kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong quản trị kinh doanh để phân tích thông tin và ra quyết định; Kỹ năng xử lý các vấn đề liên quan đến hạ tầng công nghệ sử dụng trong hệ thống thông tin quản lý; Kỹ năng xử lý tốt các tình huống, các vấn đề phát sinh liên quan đến chuyên môn được đào tạo.

Kỹ năng mềm: Kỹ năng tư duy trừu tượng; Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng khác nhau trong quá trình phát triển hệ thống thông tin quản lý (khách hàng, cán bộ nghiệp vụ và đồng nghiệp); Kỹ năng tiếp cận giải quyết các vấn đề trong kinh doanh một cách có hệ thống; Kỹ năng trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế xã hội, đặc biệt là các chủ đề về hệ thống thông tin quản lý.

Trình độ ngoại ngữ: Ngoài ra kỹ năng cơ bản trong giao tiếp, đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý bằng tiếng Anh, Cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có thái độ tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật nhà nước; Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tôn trọng nội quy của cơ quan, tổ chức và có tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả; Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức cộng đồng; Có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập nâng cao trình độ.

21.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Đủ điều kiện học tiếp các chương trình thạc sĩ và tiến sĩ ngành *Hệ thống thông tin quản lý* hoặc các ngành phù hợp khác tại các trường đại học trong và ngoài nước; Có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt chuyên môn *Hệ thống thông tin quản lý* trong suốt quá trình làm việc.

21.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành *Hệ thống thông tin quản lý* có thể làm việc trong nhiều loại hình cơ quan, tổ chức khác nhau: cơ quan nhà nước và tổ chức kinh tế - xã hội, các loại hình doanh nghiệp, các ngân hàng, công ty, tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước. Cụ thể:

Cán bộ hệ thống thông tin quản lý trong các tổ chức kinh tế - xã hội với nhiều vị trí công việc, điển hình là: Lập trình ứng dụng; Quản trị mạng; Quản trị cơ sở dữ liệu; Phân tích nghiệp vụ; Thiết kế và phát triển các hệ thống thông tin; Quản lý dự án hệ thống thông tin...

Chuyên gia tư vấn về hệ thống thông tin quản lý cho các tổ chức kinh tế - xã hội về các vấn đề như hoạch định và lập kế hoạch hệ thống thông tin quản lý, quản trị các nguồn lực thông tin...

Cán bộ quản lý hay chuyên gia về hệ thống thông tin quản lý trong các công ty kinh doanh và cung ứng các giải pháp hệ thống thông tin quản lý.

Nguồn giảng viên về hệ thống thông tin quản lý trong các trường đại học và cao đẳng hoặc nghiên cứu viên về hệ thống thông tin quản lý trong các viện nghiên cứu (sau khi đã được đào tạo thêm bậc sau đại học).

Cán bộ quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh trong các doanh nghiệp và các loại hình tổ chức kinh tế - xã hội.

22. Ngành Quản lý dự án

22.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Sau khi hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo này, người học cần đạt chuẩn về kiến thức như sau: (1) Hiểu biết và vận dụng được kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có hiểu biết về pháp luật Việt Nam và kiến thức khoa học xã hội và nhân văn; Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp bảo vệ tổ quốc; Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục, thể thao vào quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng; (2) Có kiến thức cơ bản về toán học, tin học, khoa học kinh tế, xã hội và khoa học kỹ thuật phù hợp với ngành quản lý dự án, đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên môn ngành; (3) Có kiến thức cơ sở chung về pháp luật, kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh; Nắm vững kiến thức cơ sở về khoa học quản lý, quản lý dự án và quản lý nhà nước về đầu tư, thống kê trong đầu tư xây dựng; (4) Có kiến thức chuyên sâu trong tổ chức thực hiện và quản lý dự án như quản lý tiến độ, quản lý chi phí, quản lý chất lượng, quản lý đấu thầu; Vận dụng kiến thức chuyên môn trong quá trình tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động của dự án; (5) Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

(1) Có kỹ năng tư vấn, phản biện các vấn đề về quản lý dự án; Có kỹ năng tổ chức quản lý các hoạt động của dự án nói chung và dự án đầu tư nói riêng.

(2) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức đã tích lũy để nhận biết, đánh giá và đề ra các giải pháp thích hợp cho các vấn đề về tổ chức và quản lý dự án; Tự đánh giá được năng lực bản thân để có kế hoạch tự học, bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp thường xuyên; Có khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn ở cả trong và ngoài nước.

(3) Có kỹ năng thuyết trình, tổ chức thuyết trình và lắng ý kiến cộng đồng. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết

định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018), có kỹ năng ứng dụng tin học vào lĩnh vực quản lý quản xây dựng (thành thạo các phần mềm về quản lý dự án, lập dự toán, dự thầu và tiến độ thi công...). Ngoài kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành để hiểu các văn bản có nội dung gắn với chuyên môn được đào tạo, Cử nhân ngành Quản lý dự án của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

(4) Có kỹ năng đánh giá, phân tích được những thay đổi, biến động trong bối cảnh xã hội, hoàn cảnh và môi trường làm việc để kịp thời đề ra các ý tưởng, biện pháp thích ứng, điều chỉnh và cải tiến kế hoạch nhằm đạt mục tiêu công việc.

(5) Có kỹ năng tìm kiếm, khai thác và xử lý các thông tin cập nhật về những tiến bộ khoa học chuyên ngành và liên ngành, vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc thực hiện có hiệu quả, độc lập và sáng tạo với các dự án đầu tư cụ thể.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có ý thức trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; Có lòng tự trọng nghề nghiệp và ý thức tự chịu trách nhiệm; Có ý thức phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn và học tập suốt đời; Có tác phong làm việc công nghiệp, năng động, bản lĩnh, hợp tác thân thiện phục vụ cộng đồng.

22.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có đủ khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn cả trong và ngoài nước; Đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình học chuyển tiếp hoặc mở rộng kiến thức ở các ngành khác.

22.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp các cử nhân ngành Quản lý dự án có khả năng đảm nhận các công việc tại cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng; các Ban quản lý dự án; các Viện nghiên cứu và các trường Đại học; các Tập đoàn, các Tổng công ty và các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế;... với các vị trí công việc sau: Lập, thẩm định, đánh giá các dự án đầu tư; Lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Lập, thẩm định tổng mức đầu tư, dự toán; Lập giá dự thầu các gói thầu; Quản lý dự án tại các Ban quản lý dự án xây dựng về chất lượng, tiến độ, chi phí...; Kiểm toán dự án đầu tư và các công việc khác liên quan đến quản lý dự án.

23. Ngành Luật

23.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh; Nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, trung thành với đường lối cách mạng của Đảng cộng

sản Việt Nam; Kiến thức ở trình độ đại học về khoa học xã hội, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, công nghệ để có nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề xã hội và tự nhiên; Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành Luật như Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử văn minh thế giới, Logic học.

Kiến thức chuyên sâu:

Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết, nguyên lý chính trị, pháp lý là cơ sở của việc ban hành và áp dụng pháp luật; trên cơ sở đó có khả năng tự cập nhật những thay đổi của pháp luật sau khi tốt nghiệp, bao gồm:

Kiến thức về sự hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật, vai trò của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam.

Kiến thức về các lĩnh vực pháp luật thương mại: chủ thể kinh doanh, thương mại hàng hoá và dịch vụ, đầu tư, cạnh tranh, phá sản, giải quyết tranh chấp thương mại, đất đai, môi trường, ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, thuế.

Kiến thức về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự: quyền sở hữu, tài sản, hợp đồng, thừa kế, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thủ tục giải quyết việc dân sự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự, thi hành án dân sự; pháp luật lao động và pháp luật về hôn nhân gia đình.

Kiến thức về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

Kiến thức về pháp luật hành chính và luật tố tụng hành chính, về thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo, về luật sư và công chứng, thừa phát lại, về công vụ, cán bộ, công chức, lương và chế độ đãi ngộ của cán bộ, công chức, về trách nhiệm bồi thường nhà nước, về trách nhiệm hành chính.

Kiến thức về pháp luật quốc tế: tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế, luật so sánh và các kiến thức pháp lý liên quan đến hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại, văn hóa, ngoại giao.

Cập nhật những vấn đề pháp lý thời sự trong nước và quốc tế đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước và kinh doanh cơ bản của Việt Nam như dân sự, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, thương mại, đấu thầu, đất đai, chứng khoán, bất động sản, bảo hiểm, thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ v.v...

➤ ***Yêu cầu về kỹ năng***

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng chuyên môn: Kỹ năng áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các công việc hàng ngày của doanh nghiệp hoặc đơn vị công tác, góp phần làm cho hoạt động của các doanh nghiệp hoặc đơn vị công tác tuân thủ đúng pháp luật, tránh các rủi ro pháp lý làm tăng chi phí hoạt động của doanh nghiệp hoặc đơn vị công tác; Kỹ năng phát hiện và tiếp cận những vấn đề pháp lý phát sinh từ doanh nghiệp và đơn vị công tác; Kỹ năng thực hành soạn thảo các văn bản pháp lý liên quan tới doanh nghiệp trong giao dịch, hợp đồng, đầu tư; Chủ động đề xuất và tham gia xử lý những tình huống pháp lý phát sinh trong cạnh tranh, giải quyết các tranh chấp kinh tế.

Năng lực thực hành nghề nghiệp: Nhận thức và vận dụng thành thạo những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế và thông lệ tốt của nước ngoài vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn Việt Nam; Có ý thức rèn luyện, gắn kiến thức với các vấn đề pháp lý trong môi trường liên quan đến doanh nghiệp, có khả năng chuẩn bị và soạn thảo các loại hồ sơ văn bản như hồ sơ đăng ký kinh doanh, điều

lệ công ty, trình tự, thủ tục đầu tư, mua bán, tổ chức lại doanh nghiệp, các loại hợp đồng dân sự, kinh doanh, thương mại, hồ sơ giải quyết tranh chấp và tổ tụng cạnh tranh.

Kỹ năng xử lý tình huống: Chủ động đề xuất và tham gia xử lý những tình huống pháp lý phát sinh trong kinh doanh, cạnh tranh, giải quyết các tranh chấp về kinh tế; Có khả năng chuẩn bị các loại tài liệu, tra cứu thông tin, báo cáo giải quyết tình huống như bản bảo chữa, bản tự bảo vệ...

Đảm nhận và hoàn thành tốt nhiều vị trí làm việc khác nhau.

Thích ứng để có thể làm việc tại nhiều loại hình doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội khác nhau.

Kỹ năng mềm:

Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy hệ thống, logic và sáng tạo.

Có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.

Kỹ năng giao tiếp: Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục; Có kỹ năng thuyết trình một cách tự tin, mạch lạc những vấn đề chuyên môn trước nhiều người; Tham gia cộng tác, liên hệ học hỏi trao đổi, làm việc với cán bộ quản trị doanh nghiệp, cán bộ quản lý trong và ngoài nước để đảm bảo cập nhật được những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật kinh tế.

Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có ý thức hợp tác, trung thực, chủ động trong làm việc nhóm; Có bản lĩnh trình bày quan điểm riêng trong việc giải quyết những vấn đề pháp lý mà thực tiễn kinh doanh và quản lý kinh tế của doanh nghiệp cũng như của nền kinh tế Việt Nam đang đặt ra; Thể hiện tính chủ động, độc lập và có ý kiến riêng trong làm việc nhóm.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Luật của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Ngoài ra, sử dụng tốt Tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo văn bản, tài liệu pháp luật.

➤ ***Yêu cầu về thái độ***

Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Có ý thức tự giác chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Có ý thức quan tâm đến cộng đồng; Chủ động, tích cực tham gia hoạt động chính trị, xã hội và các đoàn thể; Có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, biết trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, xác định trách nhiệm, nghĩa

vụ của bản thân, tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; Đề cao việc thực hiện hành vi đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp; Xác định đúng trách nhiệm của cá nhân trước tập thể và cộng đồng; Trung thực trong công việc và cuộc sống, kiên quyết đấu tranh với mọi vi phạm pháp luật.

Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Có ý thức khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập; Tự tin, có bản lĩnh và tinh thần khát khao học tập vươn lên khẳng định năng lực bản thân; Nhạy bén phát hiện những vấn đề pháp lý cần giải quyết của thực tiễn đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế; Có tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy năng động, coi trọng hiệu quả công việc; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; Kết hợp giữa thực tiễn và lý thuyết, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề ngày một hiệu quả cao.

23.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước; Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Luật với các cơ sở đào tạo luật khác trong nước và quốc tế; Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến các chuyên ngành luật, quản trị, quản lý; Tham gia các khóa đào tạo chức danh tư pháp như Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Luật sư, Công chứng viên, Thừa phát lại, quản tài viên, thẩm định viên về giá;...

23.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Luật chuyên ngành pháp luật kinh doanh và chuyên ngành pháp luật kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Luật kinh tế, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

Nhóm 1: Thực hiện thành lập và quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực; Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, chuyên viên tư vấn trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước, chuyên viên pháp lý trong các cơ quan Nhà nước, trong các doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhóm 2: (i) Công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an; (ii) Công tác tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan đảng và tổ chức chính trị - xã hội; (iii) Công tác tại các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng quốc hội.

Nhóm 3: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị; các trường đại học, cao đẳng chuyên hoặc không chuyên luật).

Nhóm 4: Làm chuyên gia pháp lý cho các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế.

24. Ngành Luật kinh tế

24.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh; Kiến thức ở trình độ đại học về khoa học xã hội, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, công nghệ để có nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề xã hội và tự nhiên; Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành Luật như Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử văn minh thế giới, Logic học.

Kiến thức chuyên sâu:

Cử nhân ngành Luật kinh tế có kiến thức chuyên sâu về việc tham gia xây dựng và áp dụng pháp luật, trên cơ sở đó có khả năng tự cập nhật, hành nghề về pháp luật sau khi tốt nghiệp, bao gồm: Kiến thức về sự hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật, vai trò của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam; Kiến thức về các lĩnh vực pháp luật thương mại; Kiến thức về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; Kiến thức về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự; Kiến thức về pháp luật hành chính và luật tố tụng hành chính; Kiến thức về pháp luật quốc tế: tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế, và các kiến thức pháp lý liên quan đến hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại, văn hóa, ngoại giao; Kiến thức và kỹ năng áp dụng các điều ước quốc tế, tập quán và thông lệ quốc tế về thương mại; Cập nhật những vấn đề pháp lý thời sự trong nước và quốc tế đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước và kinh doanh cơ bản của Việt Nam.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng chuyên môn: Kỹ năng áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các công việc hàng ngày của doanh nghiệp hoặc đơn vị công tác, góp phần làm cho hoạt động của các doanh nghiệp hoặc đơn vị công tác tuân thủ đúng pháp luật, tránh các rủi ro pháp lý làm tăng chi phí hoạt động của doanh nghiệp hoặc đơn vị công tác; Kỹ năng phát hiện và tiếp cận những vấn đề pháp lý phát sinh từ doanh nghiệp và đơn vị công tác; Kỹ năng thực hành soạn thảo các văn bản pháp lý liên quan tới doanh nghiệp trong giao dịch, hợp đồng, đầu tư; Chủ động đề xuất và tham gia xử lý những tình huống pháp lý phát sinh trong cạnh tranh, giải quyết các tranh chấp kinh tế.

Năng lực thực hành nghề nghiệp: Nhận thức và vận dụng thành thạo những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế và thông lệ tốt của nước ngoài vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn Việt Nam; Có ý thức rèn luyện, gắn kiến thức với các vấn đề pháp lý trong môi trường liên quan đến doanh nghiệp, có khả năng chuẩn bị và soạn thảo các loại hồ sơ văn bản như hồ sơ đăng ký kinh doanh, điều lệ công ty, trình tự, thủ tục đầu tư, mua bán, tổ chức lại doanh nghiệp, các loại hợp đồng dân sự, kinh doanh, thương mại, hồ sơ giải quyết tranh chấp và tố tụng cạnh tranh.

Kỹ năng xử lý tình huống: Chủ động đề xuất và tham gia xử lý những tình huống pháp lý phát sinh trong kinh doanh, cạnh tranh, giải quyết các tranh chấp về kinh tế; Có khả năng chuẩn bị các loại tài liệu, tra cứu thông tin, báo cáo giải quyết tình huống như bản bào chữa, bản tự bảo vệ...; Đảm nhận và hoàn thành tốt nhiều vị trí làm việc khác nhau; Thích ứng để có thể làm việc tại nhiều loại hình doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội khác nhau.

Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy hệ thống, logic và sáng tạo; Có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động; Kỹ năng giao tiếp; Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề pháp luật một cách thuận thực; Kỹ năng làm việc theo nhóm.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Luật Kinh tế của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Nhạy bén phát hiện những vấn đề pháp lý cần giải quyết của thực tiễn đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế; Có tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy năng động, coi trọng hiệu quả công việc; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; Kết hợp giữa thực tiễn và lý thuyết, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề pháp lý có hiệu quả cao.

24.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

24.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế, sinh viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

Nhóm 1: Thực hiện thành lập và quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực; Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, chuyên viên tư vấn trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp lý trong các cơ quan Nhà nước, trong các doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại quốc tế.

Nhóm 2: (i) Công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an; (ii) Công tác tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan đảng và tổ chức chính trị - xã hội; (iii) Công tác tại các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan nhà nước trung

ương và địa phương như Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng quốc hội...

Nhóm 3: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị; các trường đại học, cao đẳng).

Nhóm 4: Làm chuyên gia pháp lý cho các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế.

25. Khoa học máy tính

25.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh, kết hợp với kiến thức chuyên môn để có thể giải quyết các bài toán quản lý và kinh tế cho các tổ chức kinh tế - xã hội và các doanh nghiệp.

Kiến thức chuyên sâu: Có hiểu biết sâu rộng về kiến thức cơ sở ngành, tạo điều kiện cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với các công nghệ mới; Nắm vững các công nghệ lập trình cơ bản và hiện đại như: .NET, Java, mã nguồn mở, lập trình trên nền tảng di động...; Nắm vững kiến thức để phân tích, thiết kế, xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin, các hệ cơ sở dữ liệu, hệ thống đồ họa, các hệ thống thông minh, các hệ nhúng... bằng các phương pháp, công cụ, môi trường tiên tiến; Kiến thức về quy trình phát triển phần mềm, quản lý các dự án công nghệ thông tin; Có kiến thức chuyên ngành đáp ứng được nhu cầu của xã hội về lĩnh vực công nghệ thông tin.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng: Có thể vận dụng các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tiễn; Có khả năng phân tích quy trình, nghiệp vụ của các tổ chức, doanh nghiệp theo cách tiếp cận của Công nghệ thông tin kết hợp với kiến thức kinh tế và quản trị kinh doanh; Có khả năng phân tích, thiết kế, xây dựng, vận hành, triển khai và bảo trì hệ thống thông tin, hệ thống mạng máy tính cho các tổ chức, cơ quan, đơn vị chuyên và không chuyên trong lĩnh vực tin học với các công nghệ hiện đại; Có khả năng quản trị, thiết kế, xây dựng, triển khai, đánh giá và tối ưu hóa các hệ cơ sở dữ liệu; Có khả năng nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các phần mềm mã nguồn mở, các hệ thống nhúng; Có khả năng tìm hiểu, khai thác và chuyển giao các sản phẩm công nghệ thông tin; Có khả năng nghiên cứu khoa học, giảng dạy công nghệ thông tin ở các bậc đào tạo đại học; Có khả năng tư vấn các giải pháp, các vấn đề thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

Kỹ năng mềm: Có kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; Có kỹ năng nghiên cứu, lập luận, giao tiếp, xử lý tình huống và thuyết trình; Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, ra quyết định. Ngoài hiểu biết về Tiếng Anh chuyên ngành, có khả năng đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành, Cử nhân ngành Khoa học máy tính của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu thái độ**

Hiểu biết, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân; Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động; Có ý thức cộng đồng, tác phong công nghiệp; Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; Có tinh thần học hỏi nâng cao kiến thức nghề nghiệp và sáng tạo trong công việc.

25.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng học tập và nghiên cứu ở bậc cao hơn như thạc sĩ và tiến sĩ tại các Viện nghiên cứu, các trường đại học trong và ngoài nước. Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thực tế; Có khả năng tham gia học tập, bồi dưỡng các khóa ngắn hạn và dài hạn để cập nhật nâng cao kiến thức.

25.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Lập trình viên, chuyên gia nghiên cứu phát triển về công nghệ thông tin; Cán bộ phân tích, thiết kế hệ thống, phát triển phần mềm, gia công phần mềm, triển khai hệ thống,... trong các công ty phần mềm; Cán bộ nghiên cứu phát triển, chuyển giao giải pháp công nghệ thông tin của các doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; Cán bộ tư vấn giải pháp, thiết kế, quản trị các hệ thống mạng, các hệ thống phần mềm cho các tổ chức, doanh nghiệp; Cán bộ kỹ thuật tại các đơn vị vận hành, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường học,...; Cán bộ quản lý dự án Công nghệ thông tin trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp,... thuộc các ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế khác nhau; Giảng viên, cán bộ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin ở các trường, viện, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ,...

26. Ngành Công nghệ thông tin

26.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức giáo dục đại cương: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; Có kiến thức về khoa học tự nhiên trong đó chú trọng cơ sở toán học trong công nghệ thông tin và công nghệ Nano trong phát triển máy tính; Nhận thức về ý nghĩa kiến thức giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và đạt được năng lực theo yêu cầu của hai lĩnh vực này theo yêu cầu của trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành: Có kiến thức cơ bản về máy tính, hệ thống mạng máy tính và truyền số liệu; Có kiến thức cơ bản về phân tích, thiết kế và quản trị dữ liệu; Có kiến thức cơ bản về lập trình ứng dụng.

Kiến thức chuyên ngành: Kiến thức chuyên ngành cho phép lựa chọn các môn học theo một trong các định hướng chuyên sâu: Quản trị và vận hành hệ thống; Quản lý và phân tích dữ liệu; Kiến

thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, quản trị và xử lý dữ liệu; Kiến thức chuyên sâu về tổ chức, vận hành, tích hợp và đảm bảo an toàn hệ thống thông tin.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng chuyên môn: Kỹ năng cơ bản về phân tích, thiết kế và lập trình các hệ thống phần mềm ứng dụng trong các lĩnh vực khác nhau; Kiểm thử, đánh giá chi phí và đảm bảo chất lượng phần mềm; Kỹ năng chuyên sâu về phân tích, thiết kế, xây dựng, quản trị và xử lý dữ liệu cho tổ chức doanh nghiệp; Kỹ năng chuyên sâu về tổ chức, vận hành, tích hợp và đảm bảo an toàn hệ thống thông tin; Hỗ trợ đào tạo và chuyển giao hệ thống thông tin.

Kỹ năng mềm:

Kỹ năng nghiên cứu: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu các tài liệu thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin; Có phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, chuyên nghiệp.

Kỹ năng làm việc nhóm: Có khả năng tổ chức và làm việc độc lập hoặc theo nhóm; Có khả năng giải quyết các mối liên kết trong nhóm và điều phối các thành viên của nhóm.

Kỹ năng thuyết trình: Có khả năng viết báo cáo kỹ thuật, báo cáo khoa học, hướng dẫn sử dụng; Có khả năng trình bày vấn đề trước đám đông.

Cử nhân ngành Công nghệ thông tin của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật lao động; Có ý thức cộng đồng, tác phong công nghiệp, tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

26.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

26.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, truyền thông và nội dung số; Làm việc tại các bộ phận chức năng về vận hành hệ thống Công nghệ thông tin thuộc đơn vị và tổ chức; Làm việc tại các vị trí nghiên cứu và tổ chức thực hiện các dự án công nghệ thông tin, dự án phần mềm; Làm việc tại vị trí chuyển giao công nghệ áp dụng cho các tổ chức, doanh

ngành; Làm việc tại các vị trí phân tích và xử lý dữ liệu tại các doanh nghiệp và tổ chức; Có khả năng học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp.

27. Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

27.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có nhận thức đầy đủ và hiểu biết về những chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế; Có lập trường chính trị vững vàng, ý thức công dân và ý thức cộng đồng, trách nhiệm xã hội, có chuẩn mực văn hóa trong mọi hành vi và ứng xử; Hiểu biết và vận dụng thành thạo những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học kinh tế, xã hội, nhân văn, khoa quản lý và quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn; Có kiến thức sâu về phân tích, tổng hợp chiến lược, kế hoạch, chính sách và các chương trình về logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Có kiến thức sâu để tổng hợp, đánh giá và đề xuất các hoạt động quản lý, quản trị và nghiệp vụ chuyên môn về logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Thông hiểu và vận dụng tri thức cách mạng 4.0 trong hoạt động tác nghiệp.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng mềm: Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được rèn luyện các kỹ năng tự học tập để cập nhật và nâng cao kiến thức về kinh tế, quản lý, kiến thức quản trị tổng hợp, liên ngành và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ; Kỹ năng nghiên cứu độc lập và khả năng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn; Kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày vấn đề; Kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tổ chức, quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; Kỹ năng ứng xử phù hợp trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

Khả năng tin học: Có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018); Vận dụng thành thạo tin học ứng dụng trong công việc; Sử dụng tốt phần mềm thống kê – phân tích ứng dụng trong hoạt động quản trị, trong nghiệp vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn đã được đào tạo. Ngoài khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong chuyên môn, nghiệp vụ và giao tiếp, Cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ Về thái độ

Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

27.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

27.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng làm việc tốt tại các doanh nghiệp, cơ quan quản lý các cấp liên quan tới việc hoạch định chính sách cho hoạt động logistics và chuỗi cung ứng, quản trị hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp dịch vụ; Có thể tham gia điều hành các tập đoàn bán lẻ, các công ty tư vấn toàn cầu, các công ty cung ứng dịch vụ logistics, các doanh nghiệp vận tải biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, các đại lý hàng không, đại lý vận tải, cảng biển, ICD, cảng hàng không, tổ chức - khai thác - quy hoạch kho hàng, công ty và doanh nghiệp có ứng dụng logistics trong các hoạt động tổ chức khai thác sản xuất của doanh nghiệp; Có thể làm việc tại các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học và tổ chức quốc tế có liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

28. Ngành Kinh tế nông nghiệp

28.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; Có kiến thức cơ bản về Kinh tế nông nghiệp, Quản lý nông nghiệp nông thôn, Phát triển nông nghiệp, nông thôn; Quản trị kinh doanh nông nghiệp.

Kiến thức chuyên sâu:

Được trang bị những kiến thức lý thuyết kinh tế học của ngành sản xuất vật chất đặc thù: ngành kinh tế sinh học - sinh thái. Những kiến thức về tính quy luật chung của phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa gắn với nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế; phân bổ và sử dụng nguồn lực hợp lý, đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

Có kiến thức về tổ chức, quản lý, điều hành kinh doanh nông nghiệp, hiểu rõ những nét đặc thù của các hoạt động sản xuất kinh doanh và những nghiệp vụ quản trị kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Được trang bị những kiến thức chung về chính sách và phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn; Hiểu rõ các nội dung của một văn bản chính sách, làm thế nào để soạn thảo được một văn bản chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển nông nghiệp nông thôn.

Nắm vững: Cơ sở khoa học của những quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của nông thôn; Cơ sở lý luận và phương pháp luận về cơ cấu kinh tế nông thôn xác định cơ cấu kinh tế nông thôn và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH; Cơ sở lý luận, thực tiễn và nội dung, yêu cầu phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ trong nông thôn và phát triển các lĩnh vực xã hội nông thôn theo chủ trương của Đảng và Nhà nước ta; Cơ sở lý thuyết và nội dung về quy hoạch phát triển nông thôn về kinh tế xây dựng

kết cấu hạ tầng nông thôn (hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội), về kinh tế quản lý và môi trường, về quản lý tài chính công ở nông thôn (chủ yếu là cấp huyện, xã).

Có kiến thức chuyên sâu về: Kinh tế và quản lý nông nghiệp; Quy hoạch và đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; Kinh tế và quản lý phát triển cộng đồng; Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn; Giám sát đánh giá chương trình dự án nông nghiệp nông thôn...; Có kiến thức về thị trường và tổ chức kinh doanh ngành hàng nông sản gắn với khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý tài nguyên thiên nhiên và phương pháp vận dụng những kiến thức đó trong hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở nắm vững nghiệp vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên nói chung và từng loại nói riêng, có những giải pháp phù hợp để bảo vệ, phát triển và khai thác tài nguyên phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững; Nắm vững các phương pháp, công cụ phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng: Có năng lực phân tích, đánh giá, hoạch định và giám sát thực hiện các chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn; Có khả năng phân tích thị trường và tổ chức sản xuất - kinh doanh các ngành hàng nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường và phát triển bền vững; Có kỹ năng lập quy hoạch và xây dựng dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; Có kỹ năng vận dụng hệ thống kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi ngành nông nghiệp và ở địa phương; Có kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế; xã hội; kinh tế nông nghiệp...; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn; Có kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc; Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Kỹ năng mềm: Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Kinh tế nông nghiệp của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc; Có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân.

28.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân ngành Kinh tế nông nghiệp có: (1) Khả năng tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để đạt trình độ, bằng cấp cao hơn (*thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và quốc tế*); (2) Chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng (*như học chương trình bằng đại học thứ 2...*); (3) Khả năng tiếp tục tự học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ.

28.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Công tác trong: Chính phủ, các cơ quan Chính phủ, các Bộ, Ngành; Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nông nghiệp, nông thôn, nông dân các cấp từ trung ương đến địa phương; Các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh nông nghiệp trong nước và quốc tế; Các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, các viện; Các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế hoạt động hỗ trợ giảm nghèo, phát triển bền vững, nông nghiệp, nông thôn; Các tổ chức khác có liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân; Các ngân hàng, các tổ chức tài chính và các lĩnh vực khác...

29. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

29.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản:

Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành nắm vững: Khái niệm kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh; Văn bản pháp luật của nhà nước điều chỉnh hoạt động kinh doanh du lịch tại Việt Nam; Tiêu chuẩn đạo đức trong kinh doanh; Quy tắc ứng xử trong kinh doanh du lịch và lữ hành; Quy luật, nguyên lý căn bản trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và nhân văn; Nguyên lý căn bản của phát triển bền vững và có trách nhiệm.

Kiến thức chuyên sâu:

Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành hiểu, nắm vững, phân tích đánh giá được: Nguyên lý và quy trình tổ chức, xây dựng và cung ứng dịch vụ du lịch và lữ hành; Nguyên lý căn bản về quản trị nguồn nhân lực du lịch, quản trị tài chính; Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch và lữ hành; Nguyên lý hoạch định chiến lược và chính sách kinh doanh trong lĩnh vực du lịch và lữ hành; Hệ thống thông tin quản lý, nguyên lý marketing, hành vi tiêu dùng của khách du lịch; Chiến lược cơ bản của marketing du lịch, tâm lý khách du lịch nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách du lịch; Hệ thống kiến thức chuyên sâu về địa lý du lịch; Các giá trị tài nguyên tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn để phát triển du lịch, các tuyến điểm du lịch; Nguyên lý lập quy hoạch và chiến lược phát triển du lịch; Quản trị điểm đến, quản lý du lịch; Kiến thức về ngoại ngữ (Tiếng Anh) chuyên ngành du lịch và lữ hành.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng chuyên môn

Thực hiện được những công việc sau đây: Thiết kế, xây dựng và phát triển các dịch vụ du lịch và lữ hành (các chủng loại chương trình du lịch khác nhau, các dịch vụ khác có liên quan...) tại các

doanh nghiệp lữ hành hoặc các điểm đến du lịch; Phân tích, lựa chọn các nhà cung ứng dịch vụ đầu vào; Tổ chức quản lý các nhà cung ứng; Đánh giá và quản lý chất lượng dịch vụ; Kiểm soát chi phí các sản phẩm và dịch vụ; Có khả năng tổ chức cung ứng và thực hiện hiệu quả các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch; Đánh giá, phân tích thị trường khách du lịch; Tổ chức quảng cáo, phân phối và bán các sản phẩm, dịch vụ du lịch và lữ hành; Vận dụng các mô hình, phân tích và đánh giá các yếu tố thuộc môi trường bên trong và môi trường bên ngoài tác động đến các hoạt động kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành; Có khả năng phân tích, lập kế hoạch, hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp du lịch - lữ hành và biết tổ chức thực hiện thành công; Tổ chức quản lý, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp lữ hành, đại lý lữ hành cũng như các doanh nghiệp kinh doanh các dịch vụ liên quan, các điểm đến du lịch; Phân tích các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, hiệu quả kinh doanh, chỉ tiêu bền vững của các doanh nghiệp du lịch, điểm đến du lịch; Phát triển các ý tưởng kinh doanh và lập nghiệp trong ngành du lịch và lữ hành.

Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Thực hiện các hoạt động của hướng dẫn viên du lịch; Thực hiện những công việc tác nghiệp của người điều hành trong các công ty lữ hành.

Kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề: Có khả năng tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của khách du lịch liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ; Có khả năng phân tích các tình huống trong thực tế và đưa ra giải pháp khả thi; Có kỹ năng giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách du lịch (sơ cứu, cứu hộ, thoát hiểm....); Kỹ năng quản trị sự thay đổi, giải quyết vấn đề, giải quyết các tình huống phát sinh, quản trị rủi ro.

Kỹ năng mềm:

Kỹ năng giao tiếp: Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc đa văn hóa; Có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng văn bản bằng tiếng Việt Nam và 01 ngoại ngữ (Viết thư giới thiệu sản phẩm; thư bán hàng; thư xin lỗi khách hàng; thư cảm ơn khách hàng....); Có khả năng truyền đạt thông tin đến khách hàng trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và lữ hành; Có khả năng trình bày và thuyết trình những chủ đề liên quan đến dịch vụ du lịch và lữ hành trước đám đông.

Kỹ năng làm việc theo nhóm: Điều hành và phối hợp giữa các nhân viên khách nhau, các bộ phận chức năng khác nhau; Lắng nghe, chia sẻ ý kiến và thuyết phục người khác nhằm thực hiện thành công mục tiêu chung của nhóm hoặc của tổ chức.

Kỹ năng tin học: Có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018); Sử dụng thành thạo tin học văn phòng (Soạn thảo văn bản trên MS Word; Lập bảng tính khác nhau MS Excel; Thiết kế trình bày các chủ đề trên MS Powerpoint....); Biết thiết kế và lập bảng hỏi điều tra liên quan đến các hoạt động kinh doanh du lịch trên các công cụ truyền thông như Google docs (điều tra thị trường, điều tra mức độ hài lòng của du khách....). Bên cạnh đó, Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Các kỹ năng mềm khác: Có khả năng viết báo cáo trình bày dự án, truyền thông trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và lễ hành.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Tuân thủ luật pháp và có phẩm chất đạo đức theo quy định Bộ GD&ĐT.

Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp: (i) Có tinh thần làm việc trách nhiệm, trung thực, nghiêm túc, tính kỷ luật cao; (ii) Có tác phong lịch sự, nhã nhặn, đúng mực.

Say mê, yêu nghề và có tinh thần phục vụ: (i) Có niềm đam mê, yêu nghề phục vụ khách du lịch và cầu thị; (ii) Sẵn sàng làm việc trong điều kiện khắc nghiệt và hy sinh vì sự hài lòng của du khách.

Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: (i) Có tinh thần tự học, tự tích lũy và cập nhật kiến thức kỹ năng; (ii) Có tinh thần làm việc độc lập, sáng tạo.

Chủ động, tích cực, cầu thị trong công việc; Bảo vệ môi trường, bảo vệ giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc.

29.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng theo học các chương trình cao học các ngành quản trị kinh doanh và các chương trình khác; Có khả năng học các chương trình cao học quản trị du lịch (Master of Tourism Management), cao học quản trị điểm đến du lịch (Master of Tourism Destination Management).

29.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành có thể làm việc trong những tổ chức về du lịch, lễ hành và các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác có liên quan sau: doanh nghiệp; cơ quan quản lý Nhà nước: Bộ, tổng cục, sở ban ngành; đơn vị sự nghiệp: cơ sở đào tạo, báo chí, bảo tàng, viện nghiên cứu; tổ chức phi chính phủ: các hội và hiệp hội du lịch.

30. Ngành Quản trị khách sạn

30.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản:

Cử nhân ngành Quản trị khách sạn nắm vững kiến thức cơ bản của khối ngành kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh: kinh tế học, toán trong kinh tế, quản lý học, quản trị kinh doanh, tài chính tiền tệ và kế toán...; Kiến thức về du lịch, quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, kinh tế du lịch, tâm lý, giao tiếp và đàm phán trong lĩnh vực du lịch, khách sạn; Kiến thức pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức, quy tắc ứng xử trong kinh doanh du lịch, kinh doanh lưu trú tại Việt Nam và trên thế giới; Kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội, lịch sử, văn hóa của Việt Nam và thế giới vận dụng trong lĩnh vực du lịch và khách sạn; Nguyên lý cơ bản của phát triển bền vững và có trách nhiệm.

Kiến thức chuyên sâu: Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được các kiến thức về quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn như: quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị vận hành, quản trị nguồn nhân lực và kinh doanh trực tuyến trong lĩnh vực du lịch và khách sạn; Hiểu và vận dụng tốt được các kiến thức về quản trị tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn như: quản trị lễ tân, quản trị buồng, quản trị nhà hàng, quản trị chi phí, quản trị khu nghỉ dưỡng, quản trị bán hàng, giám sát khách sạn...; Hiểu và vận dụng được các nguyên lý, kiến thức về quản lý du lịch; Có kiến thức ngoại ngữ tiếng Anh chuyên ngành du lịch ở trình độ cơ bản; Kiến thức nghiên cứu, sáng tạo, phát triển và khởi nghiệp.

➤ **Yêu cầu về kỹ năng**

Kỹ năng cứng: Phân tích và xử lý thông tin có liên quan đến doanh nghiệp và ngành nghề; Phân tích, đánh giá thực trạng kinh doanh của doanh nghiệp khách sạn thông qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế trong kinh doanh khách sạn – nhà hàng; Phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng tầm nhìn, chiến lược và chính sách phát triển của doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch và khách sạn; Lập kế hoạch và phát triển ý tưởng kinh doanh trong lĩnh vực du lịch và khách sạn; Thiết lập quy trình và quản trị, giám sát, điều hành các bộ phận chuyên môn trong doanh nghiệp khách sạn; Phát triển và tiêu thụ sản phẩm dịch vụ du lịch trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và khách sạn; Phân tích các chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp khách sạn, nhà hàng; Quản lý và cải tiến quy trình kinh doanh, quản lý con người tại doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch và khách sạn; Thực hiện tốt các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, du lịch và khách sạn; Thực hiện ở mức cơ bản các công việc tại các bộ phận tác nghiệp của đơn vị kinh doanh khách sạn, nhà hàng như: lễ tân, buồng, ăn uống, marketing, kế toán....; Thực hiện ở mức cơ bản các công việc của người quản lý tại các bộ phận nghiệp vụ trong các đơn vị kinh doanh khách sạn, nhà hàng như: lễ tân, buồng, ăn uống, marketing, kế toán...; Nhận biết và xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình vận hành, quản trị tại các bộ phận tác nghiệp thuộc lĩnh vực khách sạn, nhà hàng; Có khả năng quản lý tốt, biết phân tích, tìm hiểu nguyên nhân, giải quyết kịp thời và có tính hệ thống các tình huống phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

Kỹ năng mềm: Nhận biết và vận dụng tốt những hiểu biết về văn hóa giao tiếp, tâm lý giao tiếp, tập quán giao tiếp của các đối tác trong môi trường làm việc đa văn hóa; Thực hiện tốt việc thuyết trình, lắng nghe, thuyết phục, đàm phán với các đối tác trong môi trường làm việc đa văn hóa; Nhận biết, thích nghi và xử lý tốt các mối quan hệ trong môi trường làm việc đa văn hóa; Xây dựng, lãnh đạo, tổ chức làm việc nhóm; Giám sát, đánh giá các thành viên, nhân viên trong các đội nhóm làm việc; Sử dụng tốt các phần mềm tin học văn phòng và các phần mềm cơ bản ứng dụng trong quản lý, quản trị kinh doanh; Hiểu và sử dụng thành thạo một số phần mềm cơ bản về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, khách sạn; Có khả năng tiếp cận tri thức, thông tin chuyên ngành để cập nhật, nâng cao hiểu biết và năng lực chuyên môn; Có khả năng xây dựng và quản lý kế hoạch phát triển cá nhân.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết

định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Quản trị khách sạn của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Bên cạnh đó, cử nhân ngành Quản trị khách sạn còn sử dụng thành thạo Tiếng Anh trong giao tiếp, làm việc và tham khảo tài liệu chuyên môn trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng; Sử dụng ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp hoặc tiếng Trung) khi giao tiếp với các đối tác có liên quan trong công việc ở trình độ cơ bản.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Về phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Có phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Trung thực và tận tâm với công việc.

Về trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Có lòng yêu nghề, có ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và tự hào về công việc; Có năng lực giao tiếp, ứng xử hợp văn hóa với đồng nghiệp, khách hàng và cộng đồng; Có tính kỷ luật cao, có thái độ và phong cách văn minh, lịch thiệp và chuyên nghiệp; Luôn sẵn sàng tương trợ giúp đỡ và hợp tác tốt với đồng sự và cộng đồng.

Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Có tinh thần ham học hỏi, cầu thị, cải tiến và thường xuyên phấn đấu học hỏi để nâng cao năng lực của bản thân; Luôn nuôi dưỡng tinh thần sáng tạo, phát triển và khởi nghiệp; Thường xuyên cập nhật các kiến thức mới, hiện đại để nâng cao năng lực của bản thân trong lĩnh vực quản trị kinh doanh khách sạn.

30.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước cùng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp; Có khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển năng lực bản thân để trở thành các nhà quản lý các cấp khác nhau trong lĩnh vực du lịch – khách sạn và các lĩnh vực khác; Có khả năng học tập, nghiên cứu, phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc nhóm ngành kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.

30.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Nhân viên quản lý, điều hành tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch được xếp hạng từ 1 – 5 sao; Nhân viên quản lý, điều hành các bộ phận tác nghiệp và chức năng tại các cơ sở lưu trú, các khách sạn hay các khu nghỉ dưỡng cao cấp quốc tế; Nhân viên quản lý tại các cơ sở kinh doanh nhà hàng, các cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch khác; Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tư vấn về du lịch và khách sạn; Nghiên cứu

viên trong lĩnh vực kinh tế du lịch, quản lý khách sạn tại các viện, trung tâm nghiên cứu; Giảng viên giảng dạy chuyên ngành du lịch và khách sạn tại các cơ sở đào tạo.

31. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

31.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức

Kiến thức cơ bản:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường được trang bị: Nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý tài nguyên và môi trường, quản lý kinh tế hiện đại; Lý luận và thực tiễn về quản lý tài nguyên và môi trường trong nước và trên thế giới.

Kiến thức chuyên sâu:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường nắm vững: Kiến thức chuyên sâu về quản lý tài nguyên và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên cấp độ nền kinh tế; Ngành và lĩnh vực tương ứng với chuyên ngành đào tạo như kiến thức về khoa học môi trường, hệ thống cơ sở pháp lý về quản lý tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, các biện pháp công cụ quản lý môi trường; Xây dựng, phân tích, đánh giá các chính sách về quản lý tài nguyên và môi trường v.v...; Các phương pháp, công cụ phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án về bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu như kiến thức điều tra, quy hoạch, lập kế hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; Quản lý, xây dựng khu bảo tồn và vườn quốc gia, kiểm soát và phòng chống ô nhiễm, ứng phó với biến đổi khí hậu v.v...

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

Có khả năng lập luận, tư duy, phân tích, khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn về các lĩnh vực chuyên ngành đã được đào tạo; Vận dụng hệ thống kiến thức được trang bị để thực hiện các nhiệm vụ trong việc phân tích, hoạch định và triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Có khả năng tư vấn hoặc trực tiếp thực hiện được các hoạt động bảo vệ môi trường mà doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường như xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường, các loại giấy phép môi trường; Lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo các tiêu chuẩn ISO 14000, áp dụng sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm; Có khả năng quản lý, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sinh vật bằng công cụ quản lý tài nguyên và môi trường; Có khả năng quy hoạch, quản lý tổng hợp các nguồn tài nguyên thiên nhiên: đất ngập nước, rừng, và đa dạng sinh học.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường như phân tích đánh giá diễn biến chất lượng môi trường, quy hoạch, phân vùng quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường theo hướng bền vững; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt, sáng tạo trước diễn biến của thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong phạm vi chuyên môn; Cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Kỹ năng mềm: Kỹ năng làm việc độc lập, tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm chuyên ngành và đa ngành; Kỹ năng giao tiếp; Viết và trình bày kết quả; Tích cực, chủ động, sáng tạo trong công việc; Kỹ năng tìm việc, làm hồ sơ, trả lời phỏng vấn.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Quản lý tài nguyên và môi trường của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có ý thức tổ chức kỷ luật; Năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc; Có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân.

31.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; Có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

31.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Là cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường tại các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương (các Bộ, ngành, UBND các cấp; Sở, Ban Quản lý Khu công nghiệp...) hay các loại hình doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ; Cảnh sát môi trường; Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu, giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng; Chuyên gia tư vấn, quản lý cho các tổ chức đầu tư, kinh doanh tài nguyên và môi trường và các tổ chức quốc tế (Ngân hàng thế giới – WB, Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB, các tổ chức của Liên hợp quốc như UNDP, UNIDO, UNEP ...).

32. Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

32.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ **Yêu cầu về kiến thức**

Kiến thức cơ bản: Nắm vững kiến thức về thế giới quan và phương pháp luận khoa học; Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin, đường lối cách mạng của Đảng Công sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh; Kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh tế học hiện đại, kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam; Kiến thức khoa học về quản lý và quản trị kinh doanh; Kiến thức toán, tin học và thống kê hiện đại trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Kiến thức chuyên sâu:

Có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên; Kiến thức pháp luật về tài nguyên; chính sách tài nguyên, quy hoạch sử dụng tài nguyên trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế; Trang bị những kiến thức cơ bản về vai trò và mối quan hệ của tài nguyên thiên nhiên đối với nền kinh tế; cơ sở lý thuyết nền tảng của kinh tế tài nguyên; các mô hình khai thác tài nguyên; Nắm được các kiến thức và kỹ năng ban đầu về phân tích và định giá tài nguyên, biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng đó vào việc xem xét các vấn đề chung của kinh tế tài nguyên trong thực tế.

Cung cấp kiến thức cơ bản về kinh tế khai thác, sử dụng và bảo tồn mỗi loại tài nguyên cụ thể như tài nguyên đất, nước, năng lượng, biển, khoáng sản, rừng và động vật hoang dã...; Hiểu rõ những vấn đề trong khai thác và sử dụng từng loại tài nguyên thiên nhiên trong thực tế, từ đó có những giải pháp hợp lý trong quản lý khai thác, sử dụng và bảo tồn các loại tài nguyên thiên nhiên, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội lâu dài.

Nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý tài nguyên thiên nhiên và phương pháp vận dụng những kiến thức đó trong hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở nắm vững nghiệp vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên nói chung và từng loại nói riêng, có những giải pháp phù hợp để bảo vệ, phát triển và khai thác tài nguyên phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý từng loại tài nguyên thiên nhiên và vận dụng những kiến thức đó trong hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở nắm vững các nghiệp vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên nói chung và từng loại nói riêng, có những giải pháp kinh tế - tổ chức và kỹ thuật phù hợp để quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Trang bị những kiến thức cơ bản về thị trường tài nguyên và các sản phẩm tài nguyên, các yếu tố cung, cầu và giá trong các thị trường các loại tài nguyên và sản phẩm tài nguyên; Biết vận dụng kiến thức đó vào phân tích thị trường tài nguyên góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, góp phần quản lý và phát triển các thị trường tài nguyên và sản phẩm tài nguyên.

Nắm vững các phương pháp, công cụ phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng chuyên môn: Cử nhân Kinh tế tài nguyên có kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách tài nguyên thiên nhiên; Lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng và bảo tồn tài nguyên; Định giá và đánh giá giá trị tài nguyên; Giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách và các chương trình, dự án về tài nguyên thiên nhiên; Sử dụng được các phương pháp phân tích kinh tế định tính và định lượng cơ bản.

Năng lực thực hành nghề nghiệp: Có khả năng làm việc và nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực kinh tế và quản lý tài nguyên và các lĩnh vực có liên quan.

Kỹ năng xử lý tình huống: Có kỹ năng phân tích các yếu tố tác động, xác định mục tiêu, xây dựng phương án, lựa chọn phương án tối ưu trong lĩnh vực kinh tế, quản lý và sử dụng tài nguyên.

Kỹ năng giải quyết vấn đề: Có kỹ năng bước đầu phát hiện vấn đề, phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học.

Kỹ năng mềm:

Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm: Biết tổ chức và phân công công việc theo nhóm, biết lắng nghe, chia sẻ, và hợp tác trong công việc; Có kỹ năng thương thuyết trong công việc.

Có kỹ năng soạn thảo được các văn bản kinh tế và quản lý; Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế - xã hội và kinh tế tài nguyên.

Các kỹ năng cứng khác: Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý tổ, nhóm;

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có ý thức đạo đức, sống và làm việc theo pháp luật; Thực hiện đầy đủ trách nhiệm công dân; Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, hoàn thành nhiệm vụ tập thể giao; Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động; Có thái độ phục vụ nhân dân đúng mực; Có ý thức cầu tiến, thường xuyên cập nhật kiến thức, luôn tư duy sáng tạo trong công việc; Có ý thức phát triển ngành nghề, có ý thức học tập tiếp tục để đạt trình độ cao hơn ở trong và ngoài nước; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; Có trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ; Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

32.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để đạt trình độ, bằng cấp cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và quốc tế); Chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng (như học chương trình bằng đại học thứ 2...); Tiếp tục tự học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ.

32.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Công tác trong Chính phủ, các cơ quan Chính phủ, các Bộ, Ngành; Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức về các lĩnh vực kinh tế, xã hội quản lý, khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên các cấp từ trung ương đến địa phương; Các doanh nghiệp và các tổ chức quản lý, sử dụng và kinh doanh tài nguyên trong nước và quốc tế; Các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, các viện; Các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế hoạt động hỗ trợ giảm nghèo,

phát triển bền vững, nông nghiệp, nông thôn; Các tổ chức khác có liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên; Các ngân hàng, các tổ chức tài chính và các lĩnh vực khác...

33. Ngành Quản lý đất đai

33.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

➤ Yêu cầu về kiến thức:

Kiến thức cơ bản: Cử nhân Quản lý đất đai được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế trong nền kinh tế thị trường; Có các kiến thức về kinh tế, quản lý trong lĩnh vực đất đai nói riêng.

Kiến thức chuyên sâu:

Cử nhân Quản lý đất đai có kiến thức cơ bản hiện đại về kinh tế xã hội, kiến thức chuyên sâu về quản lý nhà nước đối với đất đai, đặt nguồn lực đất đai trong mối quan hệ với hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và môi trường để đưa ra các quyết định trong quản lý đất đai theo hướng phát triển bền vững, chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Cử nhân Quản lý đất đai được trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế trong sử dụng đất đai; có kiến thức về chính sách pháp luật đất đai, quản lý nhà nước về đất đai, đánh giá đất đai, định giá đất đai, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất và các kiến thức khác về quản lý nhà nước về đất trong nền kinh tế thị trường.

➤ Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

Kỹ năng thực thi tác nghiệp để thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và thị trường đất đai như: Tham gia xây dựng và hoạch định chính sách đất đai; Có chuyên môn sâu về các nghiệp vụ lập và quản lý quy hoạch sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính; Đánh giá đất; Đăng ký và thống kê, kiểm kê đất đai; Tư vấn xác định giá đất; Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Đo đạc bản đồ và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai; Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến đất đai; Phát triển quỹ đất và đấu giá quyền sử dụng đất; Tư vấn đầu tư và quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất, kỹ năng thực hiện các tác nghiệp kỹ thuật phục vụ công tác chuyên môn liên quan đến quản lý đất đai trong bộ máy quản lý đất đai của Nhà nước từ Trung ương tới các cấp cơ sở.

Kỹ năng để phân tích, đánh giá hiệu quả của việc sử dụng đất đai, đầu tư phát triển bất động sản, là cơ sở để hoạch định các chính sách đối với quản lý nhà nước về đất đai và thị trường đất đai.

Kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng chuyên ngành trong kinh tế, quản lý đất đai (một số phần mềm chuyên dụng như Vilis 2.0; Famis; Microstation and Mapping office); Có khả năng xử lý, phân tích và ra quyết định trong công việc chuyên môn.

Kỹ năng tìm kiếm và sử dụng thông tin trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai; Có khả năng phân tích, tổng hợp các thông tin liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai; Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Kỹ năng mềm:

Cử nhân ngành Quản lý đất đai được rèn luyện và phát triển các kỹ năng cơ bản, chuyên nghiệp để nâng cao vốn sống, tăng khả năng thích nghi, hòa nhập, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động nghề nghiệp và thực hiện công việc một cách hiệu quả, như: Kỹ năng phối hợp trong làm việc nhóm; Kỹ

năng làm việc độc lập, sáng tạo và chủ động trong công việc; Kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống trong công việc; Kỹ năng thương lượng và đàm phán; Kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng xây dựng các mối quan hệ; Kỹ năng làm việc nhóm, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác, trợ giúp lẫn nhau trong công việc; Kỹ năng quản lý thời gian và tự đào tạo, bồi dưỡng.

Khả năng tin học: có kỹ năng sử dụng tin học theo chuẩn chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sinh viên từ khóa 59 áp dụng quy định về chuẩn đầu ra tin học ban hành kèm theo Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/5/2018). Cử nhân ngành Quản lý đất đai của ĐH Kinh tế Quốc dân có năng lực sử dụng Tiếng Anh như sau:

- Khóa 54 (2012) đến Khóa 56 (2014) theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/5/2013 về việc ban hành Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

- Khóa 57 (2015), Khóa 58 (2016) theo Quyết định số 2281/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định học và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Từ Khóa 59 (2017) trở đi, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

➤ **Yêu cầu về thái độ**

Có thái độ tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có trách nhiệm công dân; Có trách nhiệm, đạo đức, trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong chuyên nghiệp; có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; Có ý chí phấn đấu vươn lên, sẵn sàng chấp nhận và thích ứng với môi trường và điều kiện làm việc; Có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, hành vi thái độ chuẩn mực, xử lý tình huống chuyên nghiệp; Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc; Coi trọng việc học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Có ý chí phấn đấu vươn lên, sẵn sàng chấp nhận và thích ứng với môi trường và điều kiện làm việc.

33.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

33.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Quản lý đất đai có thể đảm nhiệm vị trí công việc tại:

Các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai từ trung ương đến địa phương (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Tổ chức phát triển quỹ đất, Văn phòng và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Cán bộ Địa cấp xã, phường, thị trấn); Các cơ quan quản lý Nhà nước về nhà ở và thị trường bất động sản từ trung ương đến địa phương (Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, ...).

Các đơn vị phụ trách mảng đất đai của Bộ, Sở, cơ quan như: Tài chính, Kế hoạch đầu tư, Thuế; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố v.v...

Các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, các viện và hiệp hội và tổ chức có đào tạo, tư vấn và nghiên cứu khoa học về đất đai và quản lý đất đai; Các tổ chức quản lý và sử dụng đất đai, đo đạc bản đồ, trung tâm tư vấn quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu chế xuất v.v...

Các doanh nghiệp về tư vấn giá đất, thẩm định giá đất, tư vấn đầu tư, pháp lý liên quan đến đất đai, thị trường đất đai, bất động sản (cụ thể là các công ty hoạt động trong các lĩnh vực như: Công ty đo đạc địa chính, Công ty môi giới và định giá đất đai và bất động sản); Các tập đoàn tổng công ty, các Ban quản lý dự án liên quan đến sử dụng đất đai và đầu tư phát triển bất động sản; Các ngân hàng, các tổ chức tài chính và tổ chức quốc tế.

II. Liên thông chính quy

| TT | Nội dung | Các ngành đào tạo |
|----|---|--------------------------------------|
| 1 | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT |
| 2 | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | Như đại học chính quy |
| 3 | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | Như đại học chính quy |
| 4 | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Như đại học chính quy |
| 5 | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | Như đại học chính quy |

III. Văn bằng 2 chính quy

| TT | Nội dung | Các ngành đào tạo |
|----|---|--------------------------------------|
| 1 | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT |
| 2 | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | Như đại học chính quy |
| 3 | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | Như đại học chính quy |
| 4 | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Như đại học chính quy |
| 5 | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | Như đại học chính quy |